

GIÁO TRÌNH ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

cuu duong than cong . com

MỘT SỐ LƯU Ý KHI HỌC TẬP MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

SỐ TÍN CHỈ: 03

MỤC TIÊU CHUNG:

Về kiến thức: Sau khi học xong môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam sinh viên nắm được:

- Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

- Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945)

- Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 – 1975)

- Đường lối công nghiệp hoá

- Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN

- Đường lối xây dựng hệ thống chính trị

- Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội

- Đường lối đối ngoại

Về kỹ năng:

- Vận dụng được phép biện chứng duy vật để phân tích chủ trương, đường lối của Đảng

- Vận dụng được những kiến thức đã học để lý giải các vấn đề mang tính quy luật của cách mạng Việt Nam;

- Có khả năng tiếp tục đi sâu tìm hiểu các vấn đề về đường lối cách mạng, tuyên truyền cho truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng;

- Biết cách đặt và giải quyết vấn đề

- Có khả năng trình bày những vấn đề về đường lối cách mạng một cách chính xác trước đông người.

- Đánh giá được cách dạy và học

Về thái độ: Sinh viên tự khẳng định được:

- Thế giới còn đổi thay, nhưng Chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh còn sống mãi. Đó là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động. Phải không ngừng quán triệt và vận dụng một cách độc lập và sáng tạo Chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để phát triển và hoàn chỉnh đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa với những bước đi phù hợp với đặc điểm tình hình nước ta;

- Sự ra đời và nắm quyền lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng là sản phẩm tất yếu của sự sàng lọc của lịch sử đấu tranh dân tộc ở Việt Nam dưới ánh sáng của thời đại mới. Lịch sử trao cho Đảng sứ mệnh đó, và Đảng đang tự đổi mới là để hoàn thành sứ mệnh vẻ vang của mình;

- Từ một nước thuộc địa làm cách mạng giải phóng dân tộc rồi tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn của lịch sử, một sự lựa chọn dứt khoát khi Nguyễn Ái Quốc tìm thấy chủ nghĩa Mác Lênin, và tiếp tục được khẳng định trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Cho dù tình hình quốc tế và trong nước gặp khó khăn trở ngại như thế nào thì định hướng đó vẫn không hề thay đổi;

- Xây dựng niềm tin lý tưởng, niềm tin vào thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, mô phạm, công bằng.

ĐIỀU KIẾN TIỀN QUYẾT: Sinh viên phải học xong các môn:

+ Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh.

HỌC LIỆU VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu bắt buộc

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo : Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB CTQG, Hà Nội, 2009.

2. Bộ Giáo dục và đào tạo, Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2006.

II. Tài liệu tham khảo

1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình chuẩn quốc gia: *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2006

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập I, II, III, Nxb CTQG, Hà Nội, 2007

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Kinh tế Chính trị Mác-Lênin*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2006

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999, tập II (1858 - 1945), tập III (1945 - 1995)

5. Học viện Quan hệ Quốc tế, Nguyễn Phúc Luân (chủ biên): *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp giành độc lập tự do (1945-1975)*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2001

6. Học viện Quan hệ Quốc tế, Vũ Dương Huân (chủ biên): *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp đổi mới (1975-2002)*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002

7. *Hồ Chí Minh tuyển tập*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập I (1919 - 1945), tập II (1945 - 1954), tập III (1954 - 1969)

8. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: *Thân thế – sự nghiệp và Tư tưởng Hồ Chí Minh (hỏi và đáp)*, Nxb CTQG, Hà Nội, 1998

9. Ban chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Pháp, thắng lợi và bài học*, Nxb CTQG, Hà Nội, 1995

10. Ban chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thắng lợi và bài học*, Nxb CTQG, Hà Nội, 1996

11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tập 2, 3, 4

12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 6, 7, 8

13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tập 9, 10

14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 20

15. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb CTQG, Hà Nội, 1986

16. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb CTQG, Hà Nội, 1991

17. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb CTQG, Hà Nội, 1996

18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2001

19. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2006

20. Hà Huy Thành (chủ biên): *Thế chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2006.

CHƯƠNG MỞ ĐẦU

ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CSVN

I. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu

1. Đối tượng nghiên cứu

a. Khái niệm đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là hệ thống quan điểm, chủ trương, đường lối chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam.

b. Đối tượng nghiên cứu của môn học

Đối tượng chủ yếu của môn học là hệ thống quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Một là, làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam - Chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam.

Hai là, làm rõ quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

Ba là, làm rõ quá trình Đảng lãnh đạo quần chúng thực hiện đường lối và kết quả của việc thực hiện đường lối ấy.

II. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học

1. Phương pháp nghiên cứu

Cơ sở phương pháp luận: Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

Phương pháp nghiên cứu: phương pháp logic và phương pháp lịch sử là hai phương pháp chủ yếu được vận dụng trong việc nghiên cứu, học tập môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Ý nghĩa của học tập môn học

- Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về quá trình ra đời, trưởng thành của Đảng, về đường lối của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

- Góp phần bồi dưỡng niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng, định hướng phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng

- Nâng cao ý thức trách nhiệm của công dân trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

D. CÁC VẤN ĐỀ ÔN TẬP

1. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

2. Phương pháp nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

3. Ý nghĩa học tập môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB CTQG, Hà Nội, 2009.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình LSĐCSVN*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2006.

3. Đại học Quốc gia Hà Nội: Một số chuyên đề về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Lí luận Chính trị, Hà Nội, 2008.

4. Bộ giáo dục và Đào tạo: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Tài liệu phục vụ dạy và học chương trình các môn lí luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng), NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2008.

CHƯƠNG I

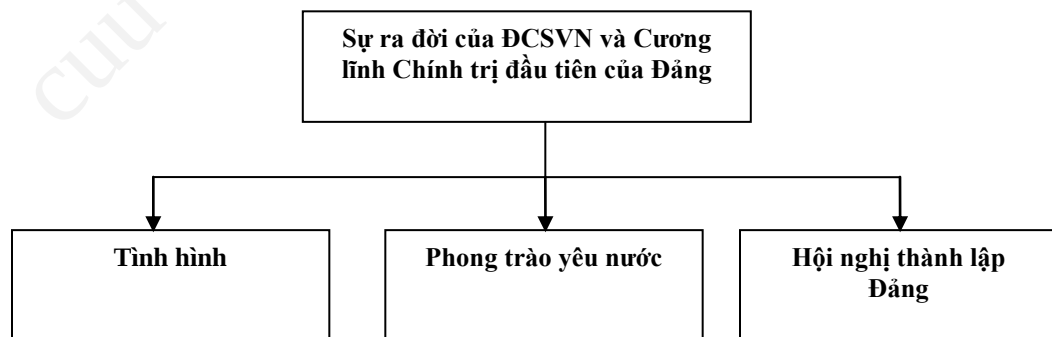
SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

A. YÊU CẦU

Nghiên cứu chương này cần nắm vững những nội dung chủ yếu sau:

- Tình hình thế giới những năm cuối thế kỷ XIX- đầu thế kỷ XX.
- Chính sách cai trị phản động của thực dân Pháp ở Việt Nam và sự chuyển biến về kinh tế, xã hội ở nước ta.
- Các phong trào yêu nước ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ theo khuynh hướng phong kiến và tư sản, sự bế tắc về đường lối, phương pháp cứu nước.
- Nguyễn Ái Quốc tìm đường giải phóng dân tộc và phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản.
- Các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.
- Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh đầu tiên của Đảng.

Chương I có thể khái quát ở sơ đồ sau:



B. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC

- Các phong trào yêu nước ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX-đầu thế kỷ XX
- Vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với việc thành lập Đảng.

- Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng

C. NỘI DUNG

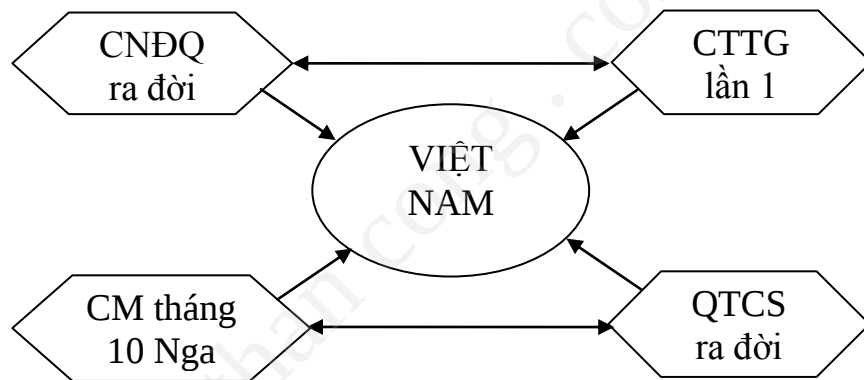
I. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ RA ĐỜI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX

Yêu cầu nắm được:

Những biến chuyển cơ bản của thế giới ở cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX và tác động của nó đến Việt Nam.

Mô hình 1.1

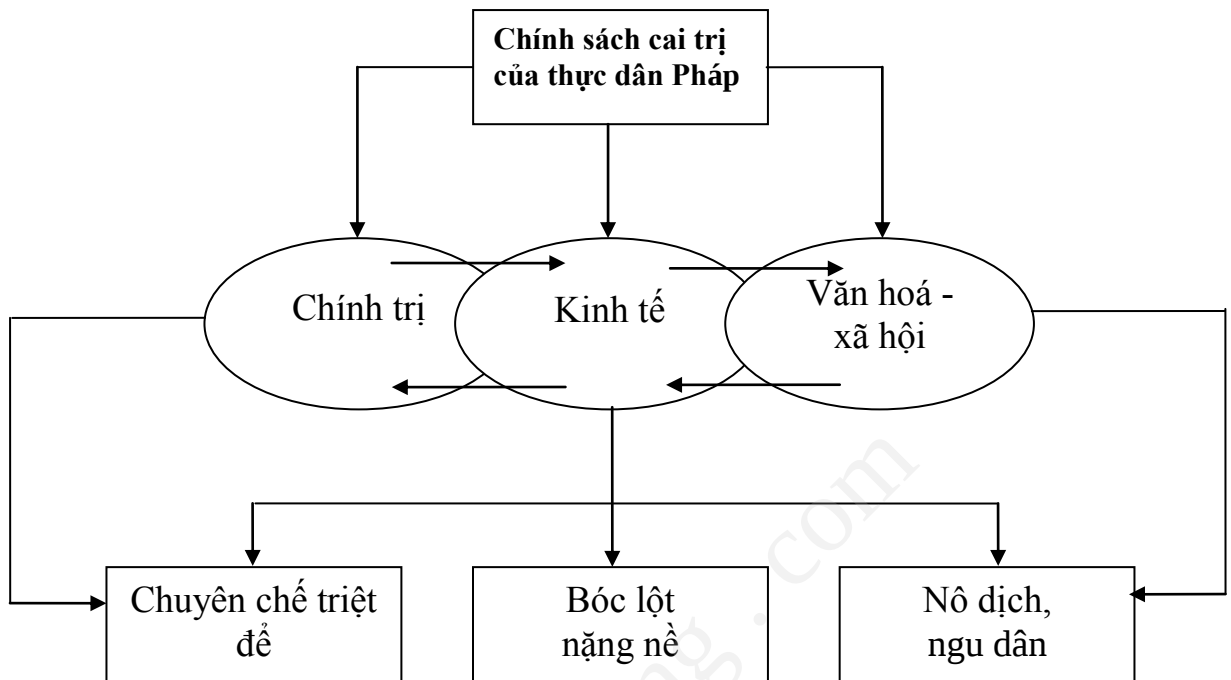


2. Hoàn cảnh trong nước

a. Xã hội Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp

* Chính sách cai trị, khai thác của thực dân Pháp

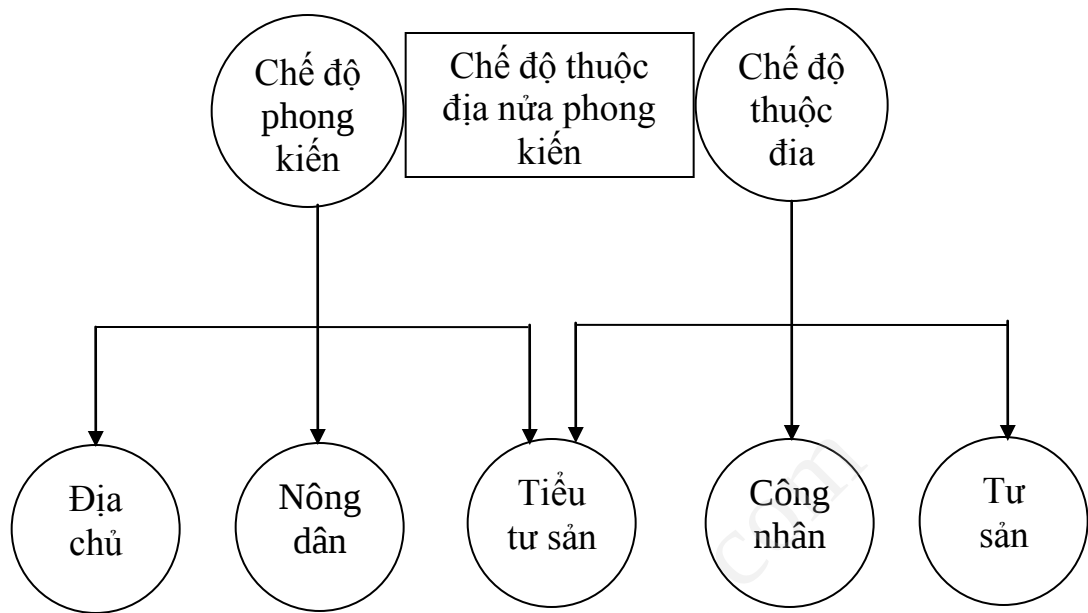
Mô hình 1.2



* Hệ quả của chính sách cai trị đó đối với Việt Nam

- Về kinh tế: làm cho nền KT nước ta ngày càng lạc hậu, què quặt, hoàn toàn lệ thuộc vào nền kinh tế Pháp
- Về xã hội: làm thay đổi tính chất xã hội, làm mâu thuẫn mới nảy sinh.
- Về giai cấp: làm kết cấu giai cấp cũ bị phá vỡ, hình thành thêm các giai cấp mới (chú ý phân tích hoàn cảnh ra đời, đặc điểm của giai cấp công nhân VN).

Mô hình 1.3

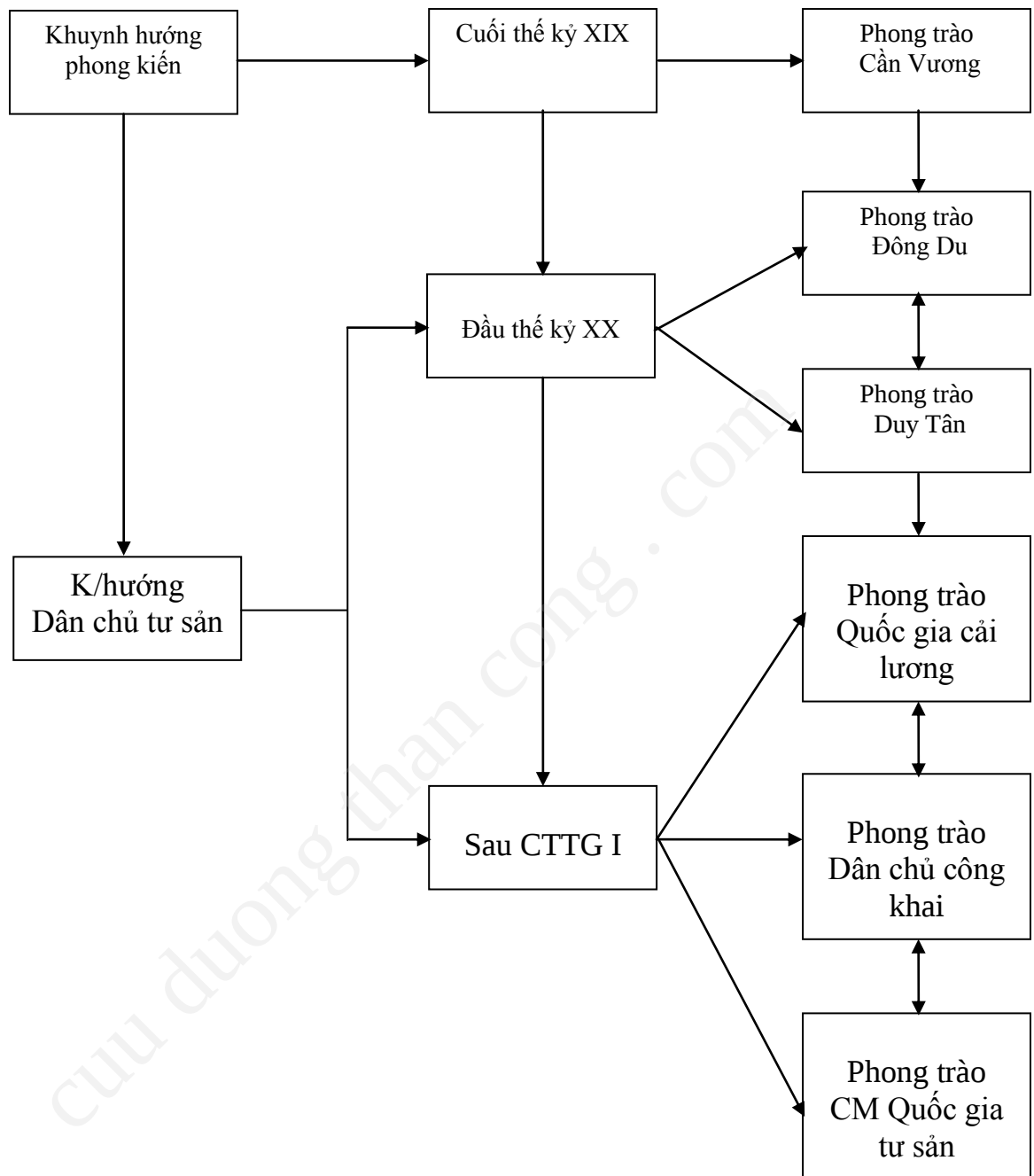


b. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản cuối thế kỷ XIX– đầu thế kỷ XX

Yêu cầu nắm được:

- Các phong trào tiêu biểu.
- Nguyên nhân thất bại của chúng.
- Sự khủng hoảng về con đường cứu nước → yêu cầu bức thiết đặt ra của lịch sử dân tộc?

Mô hình 1.4



c. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản

**** Nguyễn Ái Quốc tìm đường giải phóng dân tộc***

Sinh viên tự nghiên cứu, yêu cầu:

- Làm rõ sự khác nhau giữa con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc với các nhà yêu nước trước đó như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh...

- Nắm được tiến trình tìm đường cứu nước của Người: chú ý đến các mốc sự kiện lớn và nhận định rút ra.

+ 5-6-1911: Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước

+ 1911-1917: Người sống, lao động, khảo nghiệm CM ở Mỹ, Châu Mỹ, Anh, các thuộc địa của Anh... → 1917, Người quay trở lại Pháp

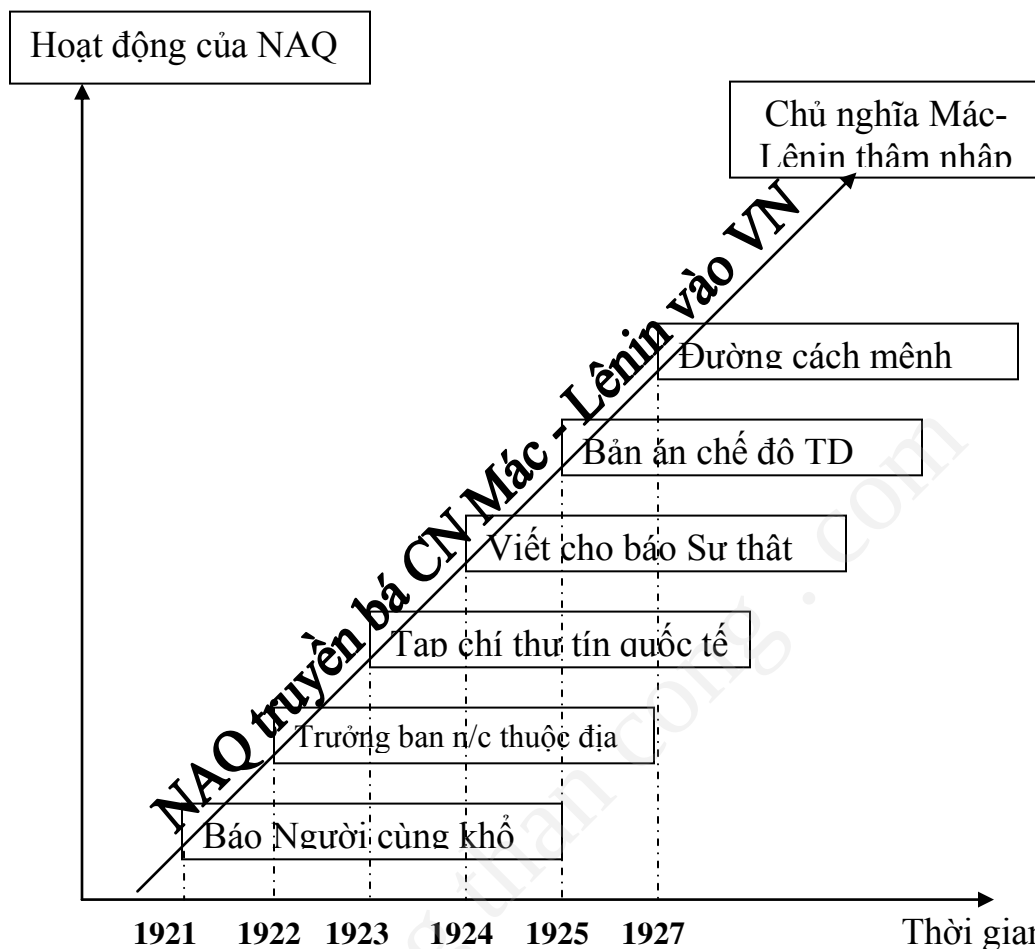
+ 1919: Gửi “Yêu sách của nhân dân An Nam”

+ 7-1920: Đọc được Luận cương của Lênin

+ 12-1920: Tham gia bỏ phiếu tán thành việc gia nhập QTCS và sáng lập Đảng Cộng sản Pháp...

* Nguyễn Ái Quốc trực tiếp chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho việc thành lập Đảng

- Về tư tưởng chính trị



Yêu cầu nắm được: Phương hướng cơ bản về chiến lược và sách lược cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

- **Về tổ chức:** Người thành lập tổ chức tiền thân của Đảng CSVN là Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6-1925)

Yêu cầu nắm được:

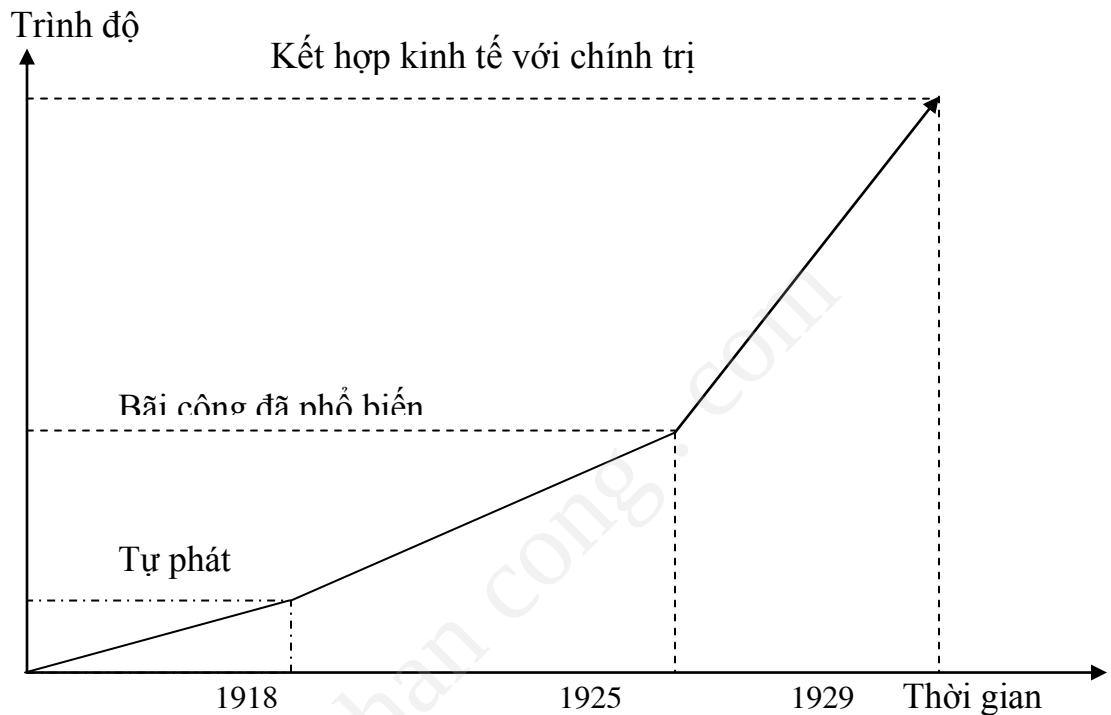
- Sự ra đời, thành phần cấu thành của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên

- Vai trò, tác dụng của Hội

* Sự phát triển các phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản

Yêu cầu nắm được:

Sự biến đổi về chất của các phong trào yêu nước và tác động lịch sử của chúng.



* Sự ra đời các tổ chức cộng sản ở Việt Nam

Yêu cầu nắm được:

- Nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của các tổ chức cộng sản đầu tiên ở VN.
- Cách thức hoạt động của các tổ chức cộng sản đó.
- Tác động của các tổ chức đó đến phong trào yêu nước.

II. HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ĐẢNG VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

1. Hội nghị thành lập Đảng

Yêu cầu nắm được:

- Nguyên nhân dẫn đến Hội nghị thành lập Đảng,
- Thời gian, địa điểm, thành phần tham dự Hội nghị.

- Nội dung chính của Hội nghị.

2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Yêu cầu nắm được:

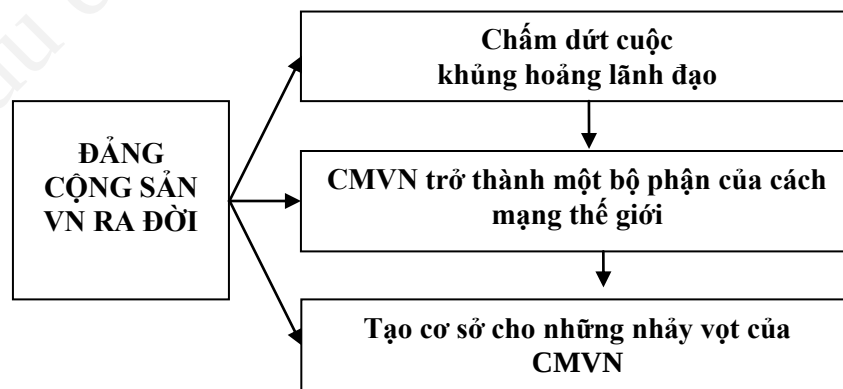
- * Các văn bản hợp thành Cương lĩnh
- * Nội dung cơ bản của Cương lĩnh:
 - Phương hướng chiến lược cách mạng.
 - Mâu thuẫn cơ bản
 - Nhiệm vụ chủ yếu
 - Lực lượng cách mạng.
 - Lãnh đạo cách mạng.
 - Phương pháp cách mạng.
 - Vấn đề đoàn kết quốc tế.

3. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng CSVN và Cương lĩnh đầu tiên của Đảng

Sinh viên tự nghiên cứu, yêu cầu:

Nắm được quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

Phân tích các ý nghĩa của việc thành lập Đảng và Cương lĩnh đầu tiên.



D. CÁC VẤN ĐỀ ÔN TẬP

1. Những chuyển biến về xã hội và giai cấp ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.
2. Địa vị KT-XH, thái độ chính trị, vai trò đối với lịch sử dân tộc của các giai cấp trong xã hội.
3. Hoàn cảnh ra đời và những đặc điểm của giai cấp công nhân.
4. Nguyên nhân thất bại của các phong trào yêu nước trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.
5. Nội dung Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng do Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.
6. Ý nghĩa Lịch sử của việc thành lập Đảng CSVN.

E. CÁC VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. Vai trò của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với việc thành lập Đảng CSVN.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước
3. Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam là một tất yếu khách quan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB CTQG, Hà Nội, 2009.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình LSĐCSVN*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2006
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2000, tập 1.
4. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: *Thân thế – sự nghiệp và Tư tưởng Hồ Chí Minh (hỏi và đáp)*, Nxb CTQG, Hà Nội, 1998.

5. Đại học Quốc gia Hà Nội: Một số chuyên đề về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Lí luận Chính trị, Hà Nội, 2008.

6. Bộ giáo dục và Đào tạo: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Tài liệu phục vụ dạy và học chương trình các môn lí luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng), NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2008.

cuu duong than cong . com

CHƯƠNG II

ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)

A. YÊU CẦU

Cần nắm vững những kiến thức của 3 thời kỳ cách mạng sôi nổi (1930-1931, 1936-1939, 1939-1945), nhất là thời kỳ 1939-1945.

Chú ý đọc tài liệu tham khảo của thời kỳ này để kiểm tra, củng cố và mở rộng kiến thức của mình, tăng cường khả năng tự nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giáo viên.

B. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC

Quá trình hoàn thiện đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng (1930-1945)

Chủ trương và quá trình Đảng lãnh đạo tiến hành Cách mạng Tháng Tám -1945.

C. NỘI DUNG

I. CHỦ TRƯỞNG ĐẤU TRANH TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1939

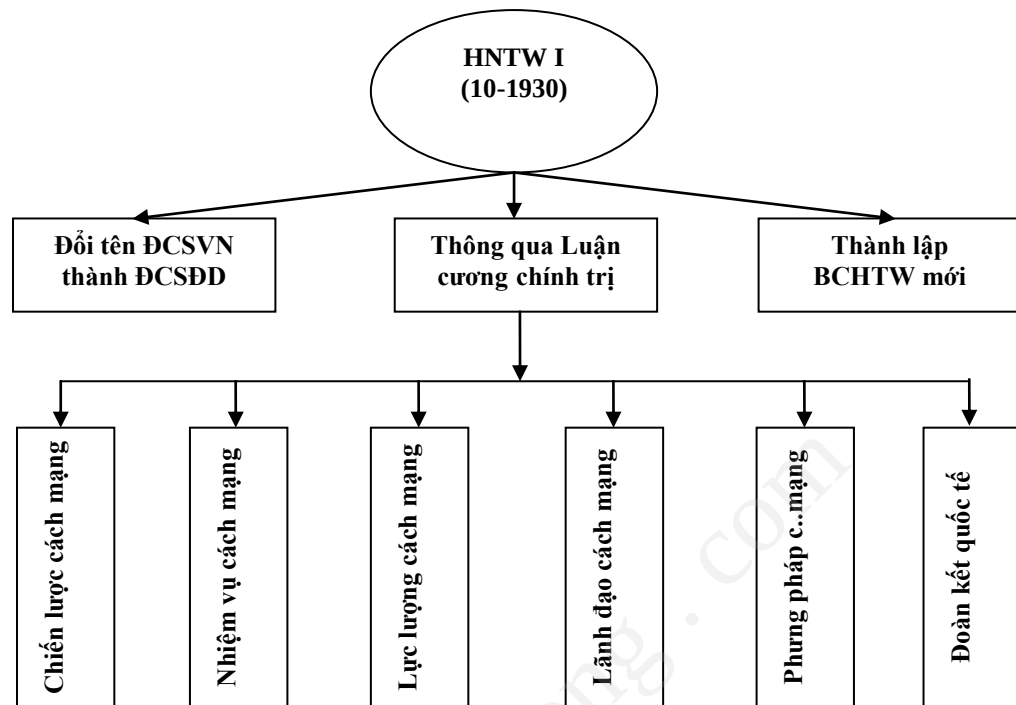
1. Trong những năm 1930 – 1935

a. Luận cương chính trị tháng 10 – 1930

Yêu cầu nắm được:

- Nội dung cơ bản của Hội nghị
- Luận cương chính trị tháng 10-1930 của Đảng: Nội dung; So sánh với Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng (chỉ ra được điểm giống và khác nhau, tìm ra nguyên nhân của những hạn chế) trên các nội dung chính sau:

Mô hình 2.1



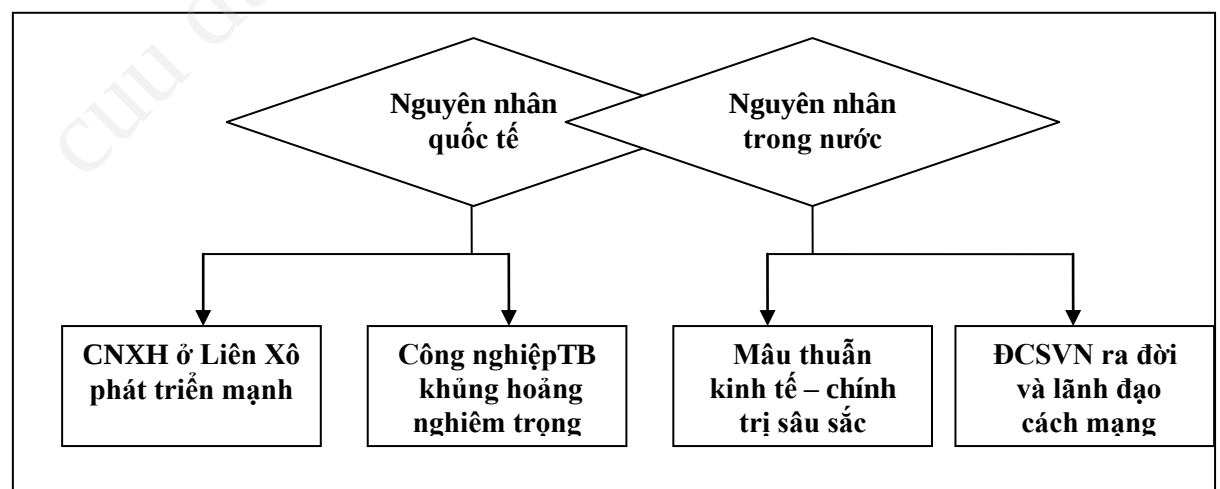
b. Chủ trương khôi phục Đảng và phong trào cách mạng

*** Phong trào cách mạng 1930 – 1931**

Yêu cầu nắm được:

- Nguyên nhân dẫn đến phong trào.

Mô hình 2.2



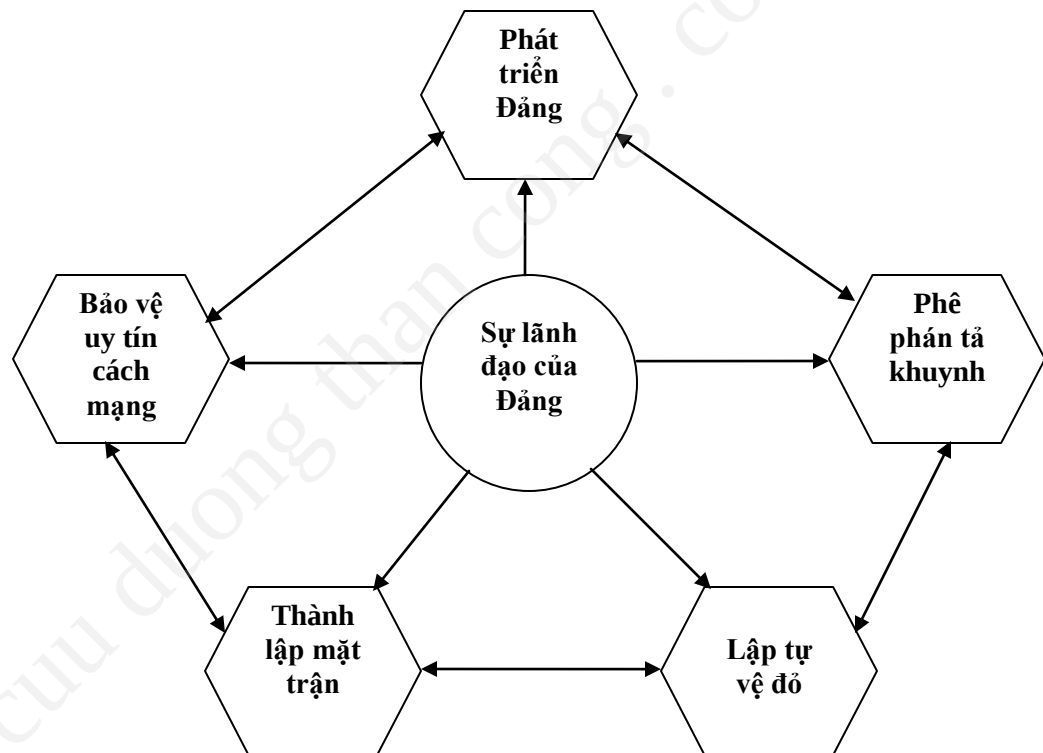
- Diễn biến, kết quả
- Nguyên nhân thất bại, ý nghĩa, kinh nghiệm lịch sử.

* Đấu tranh khôi phục phong trào 1932 – 1935

Yêu cầu nắm được:

- Tình hình nước ta sau “khủng bố trắng” của thực dân Pháp.
- “Chương trình hành động” của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- Các địa bàn hoạt động chính của phong trào.
- Nguyên nhân dẫn đến thành công của phong trào.

Mô hình 2.3

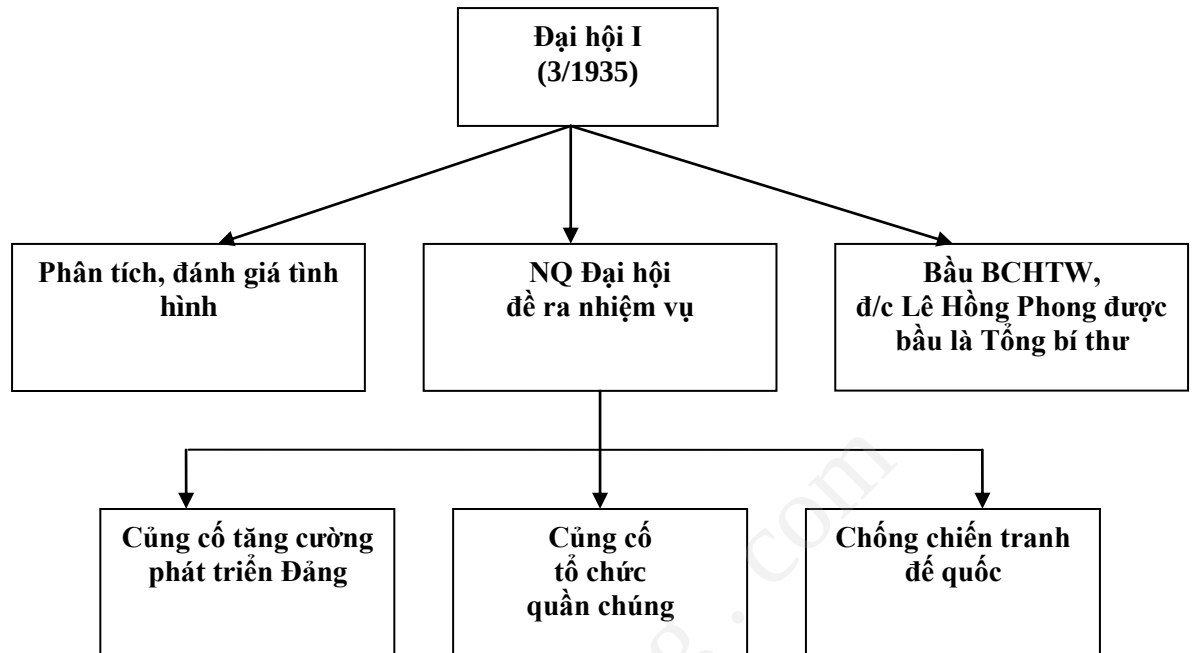


* Đại hội Đại biểu lần thứ nhất của Đảng tháng 3 – 1935

Yêu cầu nắm được:

- Thời gian, địa điểm, thành phần tham dự Đại hội
- Nội dung cơ bản của Đại hội:
- Ý nghĩa của Đại hội.

Mô hình 2.4



2. Trong những năm 1936 – 1939

a. Hoàn cảnh lịch sử

* Tình hình thế giới

Yêu cầu nắm được:

- Nguy cơ chiến tranh của chủ nghĩa phát xít:
- + Tình hình thế giới sau cuộc khủng hoảng kinh tế (1929- 1933)
- + Âm mưu của các nước TB Công nghiệp (cách thức hồi phục lại sau

khủng hoảng của chúng)

- Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản:
- + Nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội
- + Tác động của nó đến các Đảng Cộng sản trên thế giới.

* Tình hình trong nước

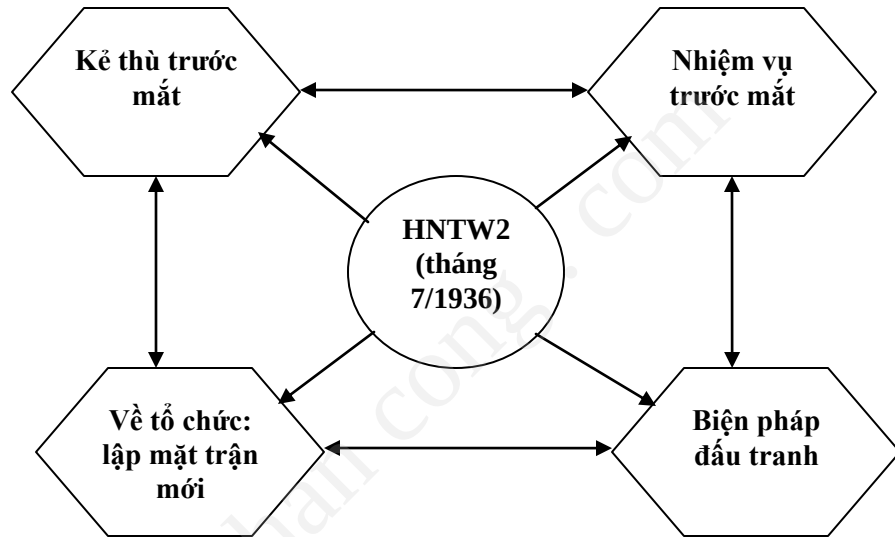
- Tác động của cuộc khủng hoảng tới Việt Nam
- Sự tàn bạo của thực dân Pháp → sự nổi dậy đòi những nhu giải quyết những cầu tối thiểu của nhân dân...

b. Chủ trương mới của Đảng

Yêu cầu nắm được:

- Nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi chủ trương của Đảng
- Chủ trương mới của Đảng thể hiện trong nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 (tháng 7-1936):

Mô hình 2.5

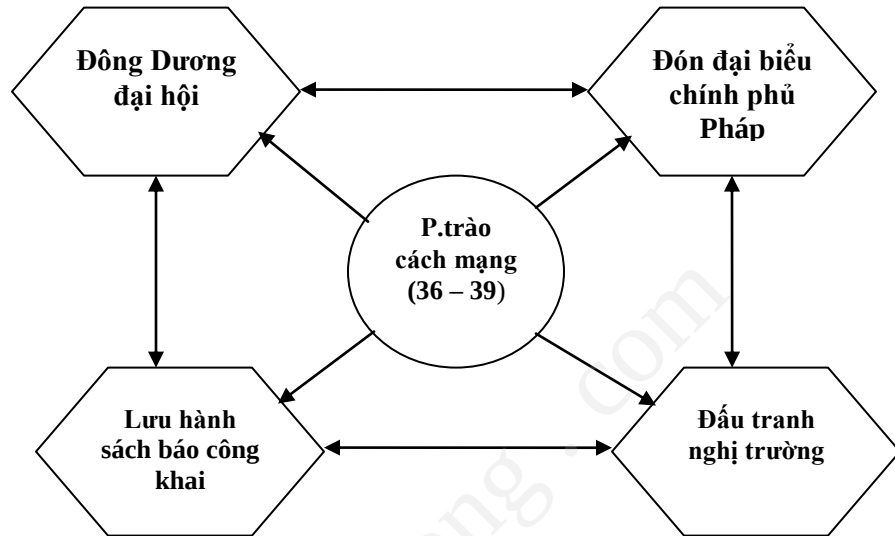


- Tác động của những chủ trương đó.
- Lãnh đạo phong trào dân chủ, dân sinh (1936-1939)

Yêu cầu nắm được:

- + Các phong trào và các hình thức đấu tranh tiêu biểu
- + Ý nghĩa và kinh nghiệm lịch sử

Mô hình 2.6



II. CHỦ TRƯỞNG ĐẤU TRANH TỪ NĂM 1939 ĐẾN NĂM 1945

1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chiến lược của Đảng

a. Tình hình thế giới và trong nước

Yêu cầu nắm được:

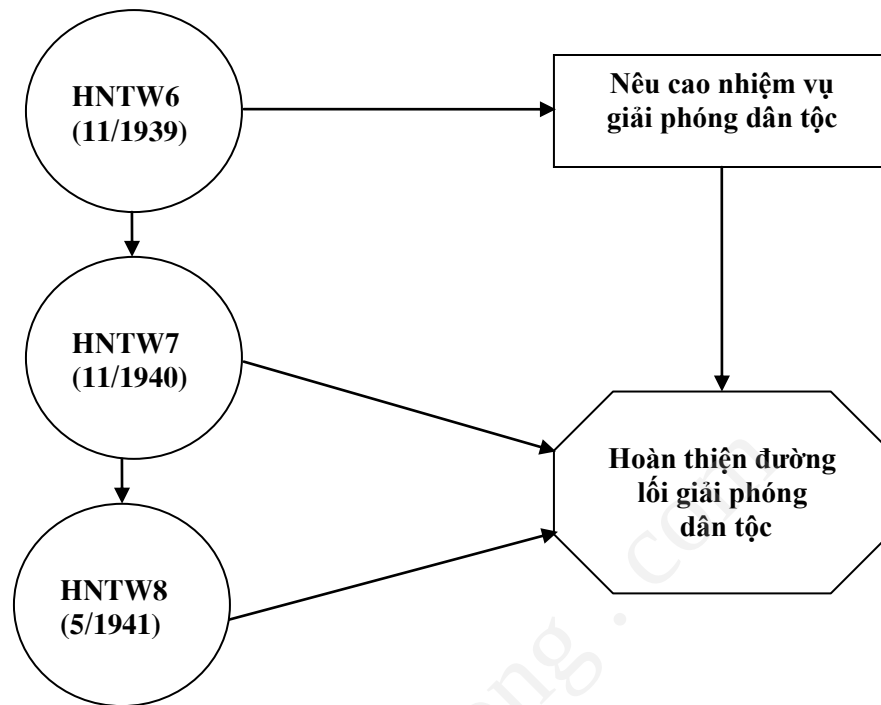
- Chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ,
- Chính sách thống trị thời chiến của Pháp – Nhật ở Đông Dương.

b. Nội dung chủ trương chuyển hướng chiến lược của Đảng

Yêu cầu nắm được:

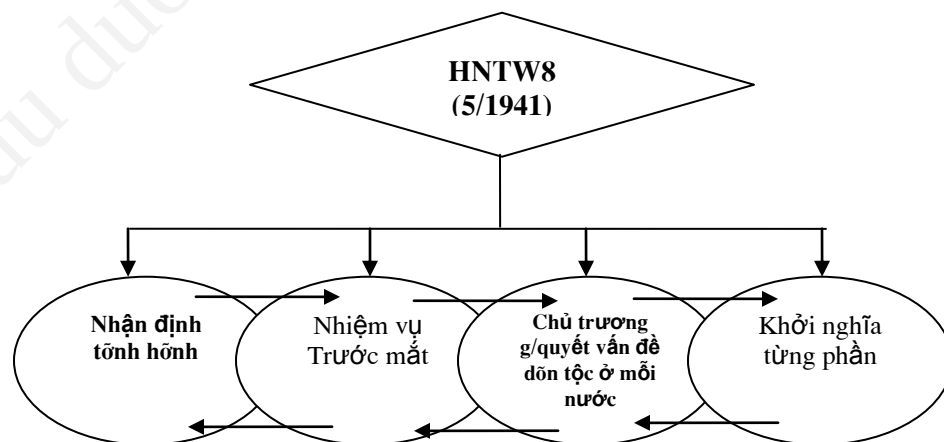
- Tinh thần chỉ đạo xuyên suốt của 3 Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành TƯ Đảng tháng 11-1939, tháng 11-1940 và tháng 5-1941.

Mô hình 2.7



- Nội dung cơ bản của Hội nghị BCHTƯ Đảng lần thứ 8 (5-1941) – Hội nghị đánh dấu hoàn thiện quá trình chuyển hướng chiến lược cách mạng:

Mô hình 2.8



- Ý nghĩa của việc chuyển hướng chiến lược cách mạng

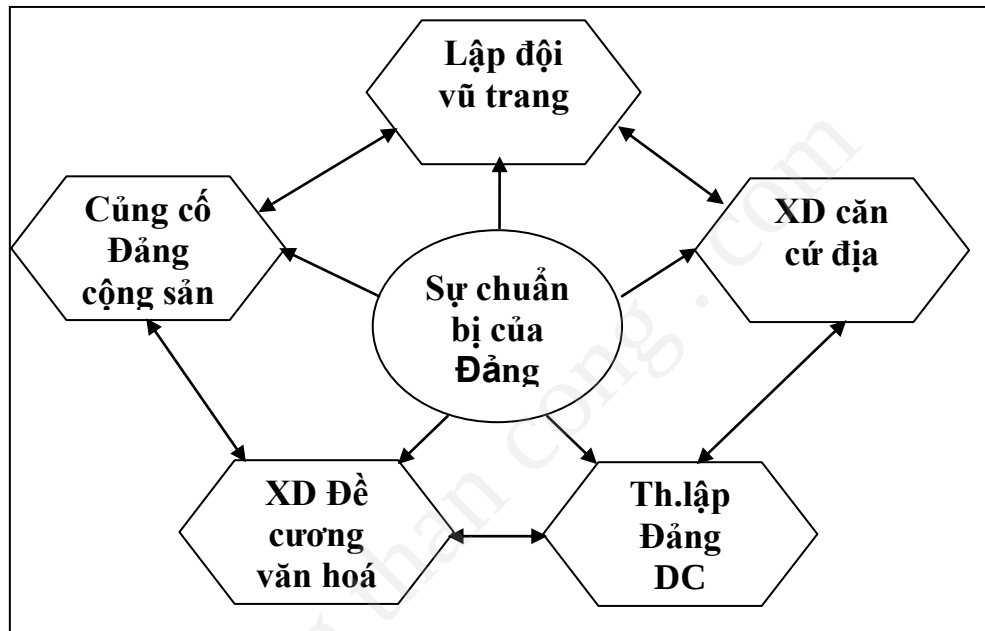
2. Chủ trương lãnh đạo Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

a. Phong trào chống Pháp – Nhật, chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang (1940-1945)

Yêu cầu nắm được:

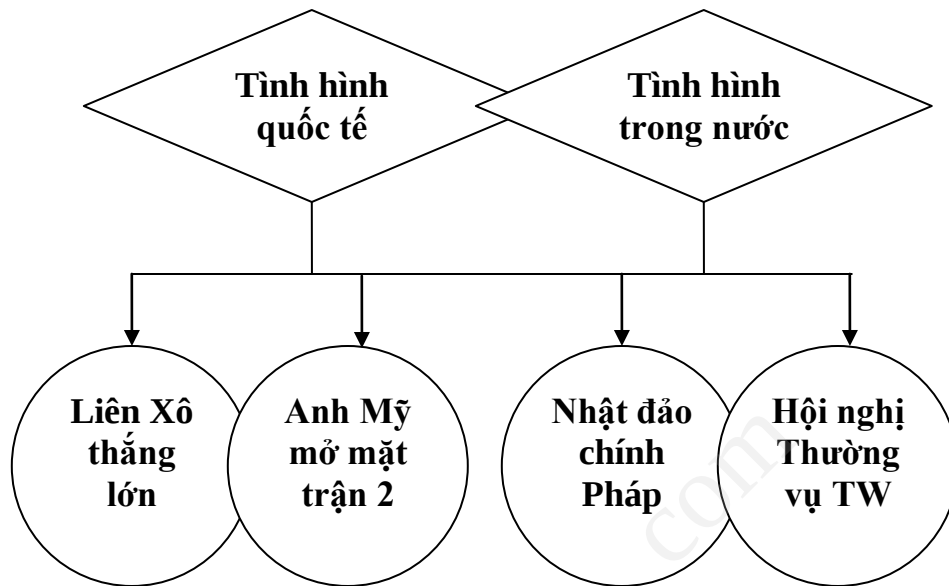
Sự chuẩn bị của Đảng trên các mặt:

Mô hình 2.9



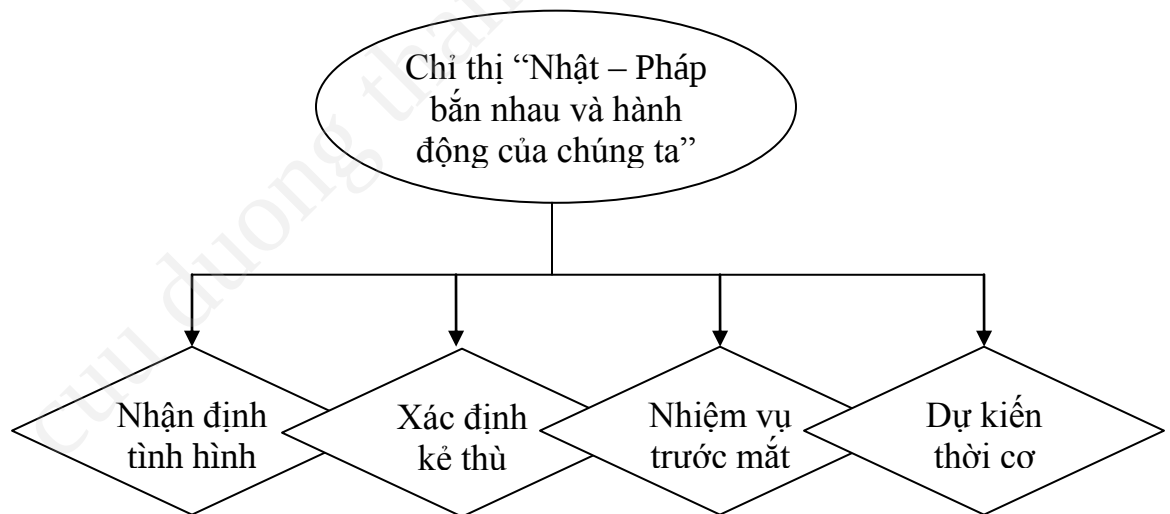
b. Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước và đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần (tháng 3-1945 đến tháng 8-1945)

Mô hình 2.10



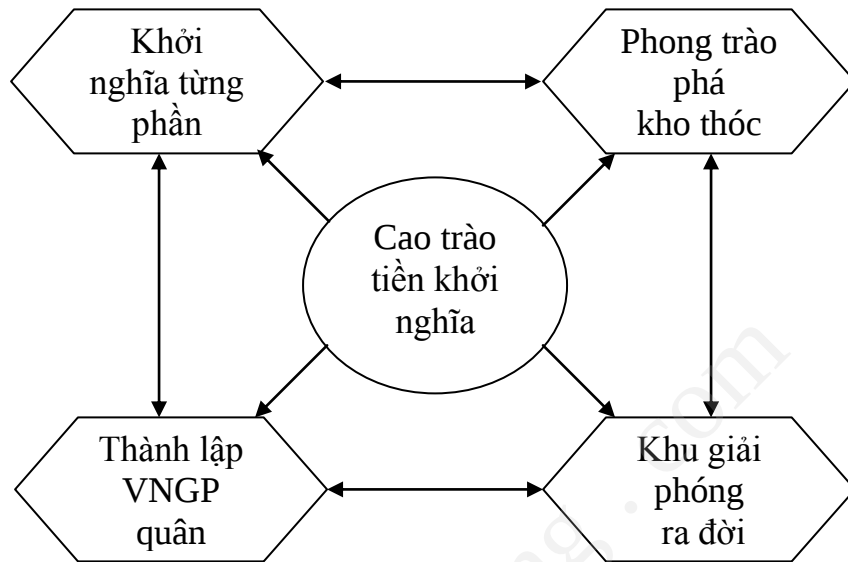
** Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”*

Mô hình 2.11



** Cao trào kháng Nhật cứu nước*

Mô hình 2.12

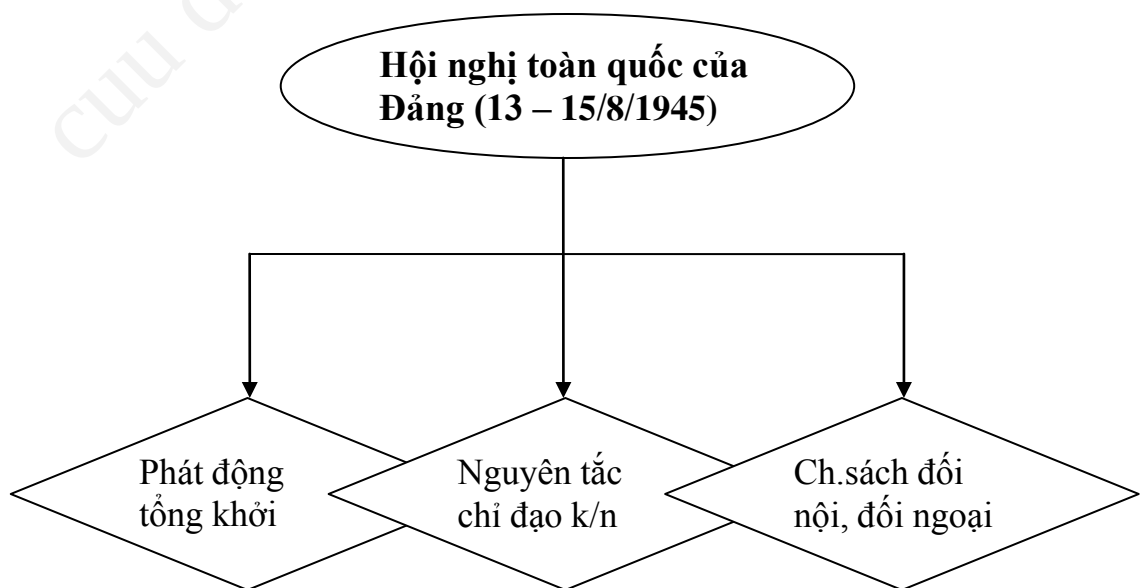


h

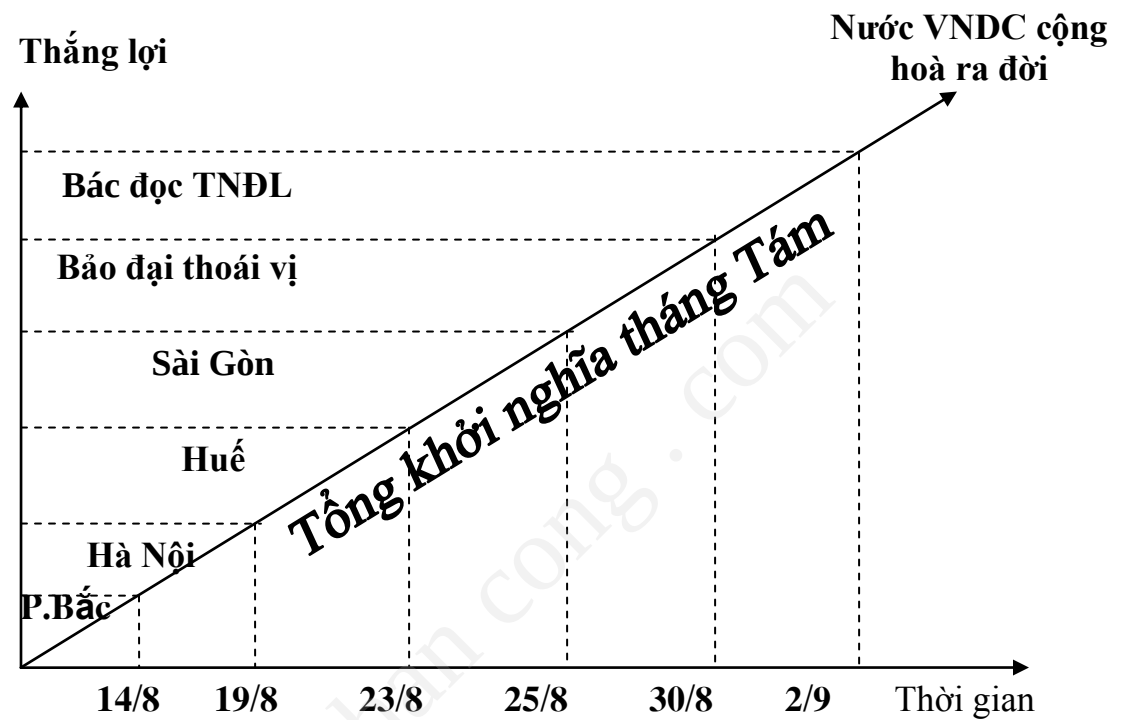
c. Chủ trương phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám – 1945

- Hội nghị toàn quốc của Đảng (13-15/8/1945)

Mô hình 2.13



- Quá trình phát triển của Cách mạng Tháng Tám



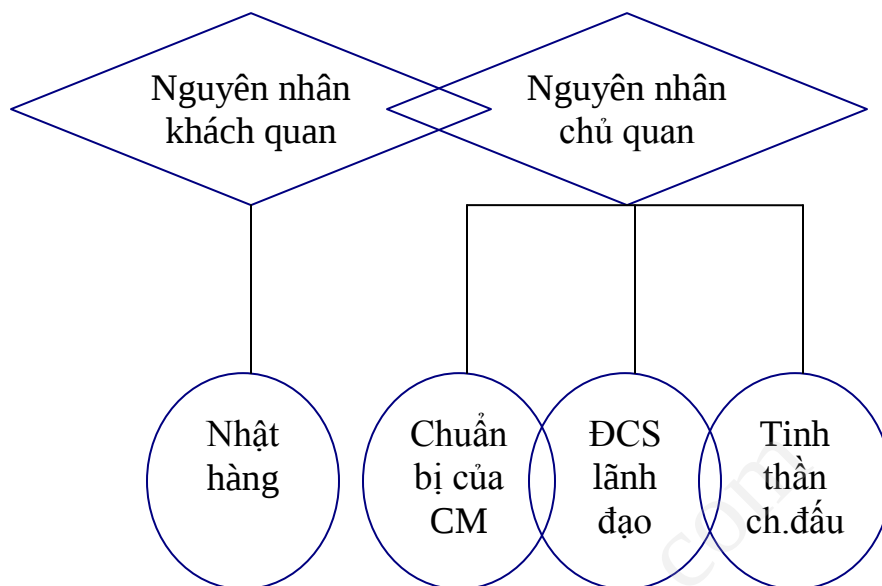
d. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi, và bài học kinh nghiệm

Kết quả

Ý nghĩa

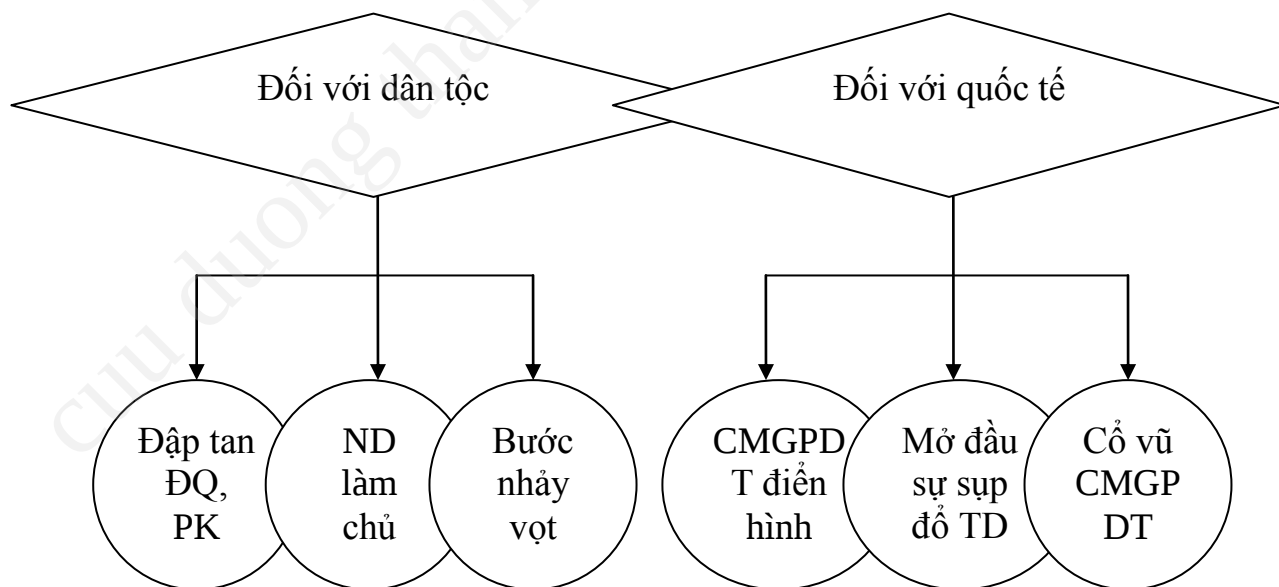
Nguyên nhân

Mô hình 2.14



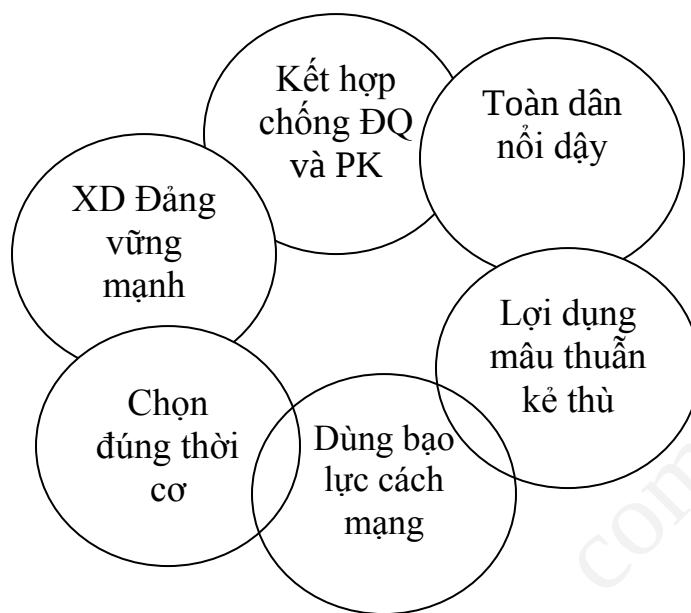
*** Ý nghĩa Lịch sử**

Mô hình 2.15



*** Những kinh nghiệm chủ yếu**

Mô hình 2.16



D. CÁC VẤN ĐỀ ÔN TẬP

1. Nội dung nghị quyết Đại hội I của Đảng (3-1935), nhận xét đánh giá về Đại hội này.
2. Nội dung chuyển hướng chiến lược do Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (11-1939), 7 (11-1940), 8 (5-1941) đề ra, và nội dung cơ bản của Hội nghị Trung ương lần 6 (11-1939) và Hội nghị Trung ương lần 8 (5-1941) của Đảng.
3. Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.
4. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và kinh nghiệm lịch sử của Cách mạng Tháng Tám – 1945.

E. CÁC VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. Quá trình nhận thức và hoàn thiện đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng thời kỳ 1930 – 1941
2. Nghệ thuật chớp thời cơ, khởi nghĩa giành chính quyền của Đảng trong cách mạng tháng 8.1945

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB CTQG, Hà Nội, 2009.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình LSĐCSVN*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2006
3. Đinh Xuân Lâm (chủ biên): *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, t2
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2000, tập 7.
5. Đại học Quốc gia Hà Nội: Một số chuyên đề về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Lí luận Chính trị, Hà Nội, 2008.
6. Bộ giáo dục và Đào tạo: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Tài liệu phục vụ dạy và học chương trình các môn lí luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng), NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2008.

CHƯƠNG III

ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945 – 1975)

A.YÊU CẦU

Nắm vững những nội dung cơ bản sau:

- Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của Đảng.
- Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của những thắng lợi đó đối với cách mạng Việt Nam.

B.TRỌNG TÂM KIẾN THỨC

- Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954)
- Đường lối chung của cách mạng Việt Nam và đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975)

C.NỘI DUNG

I. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954)

1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 – 1946)

a. Hoàn cảnh lịch sử nước ta sau cách mạng tháng Tám năm 1945

Yêu cầu làm rõ:

Thuận lợi và khó khăn cơ bản thế giới và trong nước thời kỳ 1945 – 1946.

b. Chủ trương “kháng chiến, kiến quốc” của Đảng

Yêu cầu làm rõ:

- Chỉ đạo chiến lược
- Xác định kẻ thù
- Về phương hướng, nhiệm vụ
- Đánh giá ý nghĩa bản chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc”

c. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

Yêu cầu làm rõ:

- Kết quả trên các mặt chính trị – xã hội, kinh tế, văn hoá, bảo vệ chính quyền
- Ý nghĩa
- Nguyên nhân thắng lợi

2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946 – 1954)

a. Hoàn cảnh lịch sử

Yêu cầu làm rõ:

Những thuận lợi, khó khăn khi chúng ta bước vào cuộc kháng chiến

b. Quá trình hình thành và nội dung đường lối

Yêu cầu làm rõ:

- Quá trình hình thành đường lối.

Những nội dung của đường lối:

- + Mục đích kháng chiến
- + Tính chất kháng chiến
- + Nhiệm vụ kháng chiến
- + Phương châm tiến hành kháng chiến và cơ sở lý luận và thực tiễn của các quan điểm:

Toàn dân

Toàn diện

Lâu dài

Dựa vào sức mình là chính

- + Triển vọng kháng chiến

Ý nghĩa của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng

- Quá trình thực hiện đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp

- Nội dung Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ II (2/1951), Chính cương của Đảng lao động Việt Nam

+ Tính chất xã hội

+ Đối tượng cách mạng

+ Nhiệm vụ cách mạng

+ Động lực cách mạng

+ Đặc điểm cách mạng

+ Triển vọng cách mạng

+ Con đường đi lên CNXH

c. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

Kết quả và ý nghĩa thắng lợi của việc thực hiện đường lối

Kết quả

Ý nghĩa

Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

Nguyên nhân thắng lợi

Bài học kinh nghiệm

II. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, thống nhất đất nước (1954 – 1975)

1. Giai đoạn 1954 – 1964

a. Hoàn cảnh lịch sử cách mạng Việt Nam sau tháng 7 năm 1954

Yêu cầu nắm được:

Tình hình thế giới và trong nước: những thuận lợi và khó khăn; tác động của nó tới cách mạng Việt Nam

b. Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối

Yêu cầu nắm được:

Quá trình hình thành đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam qua các Hội nghị của BCH TƯ và Nghị quyết của Bộ chính trị.

Nội dung đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam (thể hiện trong Đại hội Đảng III – 9/1960):

- + Nhiệm vụ chiến lược
 - + Mục tiêu chiến lược
 - + Mối quan hệ của hai miền
 - + Vai trò, nhiệm vụ của cách mạng mỗi miền
 - + Con đường thống nhất đất nước
 - + Triển vọng của cách mạng Việt Nam
- Ý nghĩa của đường lối

2. Giai đoạn 1965 - 1975

a. Hoàn cảnh lịch sử

Yêu cầu nắm được:

Tình hình thế giới và trong nước: những thuận lợi và khó khăn cơ bản của cách mạng Việt Nam

b. Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối

Quá trình hình thành và nội dung đường lối

- Thông qua các hội nghị Bộ chính trị đầu năm 1961 và đầu năm 1962.
- Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ IX (11/1965)
- Hội nghị trung ương lần thứ XI (3/1965), lần thứ XII (12/1965).

Nội dung:

- Về nhận định tình hình và chủ trương chiến lược
- Quyết tâm và mục tiêu chiến lược
- Phương châm chỉ đạo chiến lược
- Tư tưởng và phương châm đấu tranh ở miền Nam.
- Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc.
- Nhiệm vụ và mối quan hệ giữa cuộc chiến đấu ở hai miền.

Ý nghĩa đường lối:

- Thể hiện quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ, tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần độc lập, tự chủ, sự kiên trì mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, phản ánh ý chí, nguyện vọng chung của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân.
- Thể hiện tư tưởng nắm vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn với CNXH.
- Đó là đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính được phát triển trong hoàn cảnh mới, tạo nên sức mạnh mới để dân tộc ta đủ sức thắng đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

c. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

*** Kết quả và ý nghĩa thắng lợi**

Ở miền Bắc:

- Một chế độ xã hội mới đã bước đầu được hình thành.
- Văn hoá, xã hội, y tế, giáo dục có sự phát triển.
- Sản xuất nông nghiệp phát triển, công nghiệp địa phương được tăng cường.
- Bảo vệ vững chắc miền Bắc, giành thắng lợi trong hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.
- Làm tròn nghĩa vụ hậu phương lớn với chiến trường miền Nam

Ở miền Nam:

- Nhân dân miền Nam lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.
- Kết thúc 21 năm chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, đưa lại độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ cho đất nước.

*** Ý nghĩa**

Đối với nước ta

- Hoàn thành cuộc cách mạng DTDCông nghiệpD trên phạm vi cả nước, mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên cả nước hoà bình, thống nhất, cùng chung một nhiệm vụ chiến lược đi lên CNXH.
- Thắng lợi này đã tăng cường thêm sức mạnh cho cách mạng và dân tộc Việt Nam, để lại nhiều kinh nghiệm quý báu cho cách mạng.
- Góp phần nâng cao uy tín của Đảng và dân tộc ta trên trường quốc tế.

Đối với cách mạng thế giới

- Thắng lợi này đã đập tan cuộc phản kích lớn nhất của chủ nghĩa đế quốc vào CNXH và cách mạng thế giới, bảo vệ vững chắc tiền đồn phía Đông Nam Á của CNXH.
- Làm phá sản chiến lược chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, gây tổn thất to lớn và tác động sâu sắc đến nội tình nước Mỹ.
- Góp phần làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của chúng ở khu vực Đông Nam châu Á.
- Cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì mục tiêu độc lập dân tộc, dân chủ tự do và hoà bình phát triển của nhân dân thế giới.

Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

*** Nguyên nhân thắng lợi**

- Có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng CSVN
- Có cuộc đấu tranh đầy hy sinh, gian khổ của nhân dân và quân đội cả nước, đặc biệt là cán bộ, chiến sĩ và đồng bào nam bộ.
- Có hậu phương miền Bắc XHCN.
- Có tình đoàn kết, chiến đấu của nhân dân 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia và sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các nước XHCN anh em, sự ủng hộ nhiệt tình của chính phủ và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới.

*** Bài học kinh nghiệm**

- Thực hiện đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH
- Tin tưởng vào sức mạnh của dân tộc, kiên định tư tưởng chiến lược tiến công, quyết đánh và quyết thắng đế quốc Mỹ xâm lược.
- Thực hiện chiến tranh nhân dân, tìm ra biện pháp chiến đấu đúng đắn, sáng tạo.
- Có công tác tổ chức thực hiện của các cấp bộ Đảng trong quân đội, của các ngành, các địa phương.
- Phải coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở hậu phương và tiền tuyến.

D. CÁC VẤN ĐỀ ÔN TẬP

1. Sách lược ngoại giao của Đảng trong thời kỳ 1945 - 1946.
2. Chủ trương phát động toàn quốc kháng chiến và đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng.
3. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng và nội dung “Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam”.
4. Nghị quyết lần thứ 15 của BCHTW Đảng (Khóa II).
5. Nghị quyết lần thứ 11, 12 của BCHTW Đảng (Khóa III).
6. Sự chỉ đạo của Đảng trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mùa Xuân 1975.

E. CÁC VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. Chủ trương kháng kháng chiến - kiến quốc của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền (1945 - 1946)
2. Sự lãnh đạo của Đảng trong Chiến cuộc Đông xuân 1953 – 1954
3. Tình hình Việt nam sau tháng 7.1954 và nội dung đường lối chung của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB CTQG, Hà Nội, 2009.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB CTQG, Hà Nội, 2009.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)*. Nxb CTQG, HN, 2004.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Đề cương bài giảng dùng trong các trường đại học và cao đẳng năm học 1991 - 1992)*. Nxb Giáo dục, 2001.
5. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*. Nxb CTQG, 2001.
6. Ban chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị. *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Pháp: Thắng lợi và bài học*. Nxb CTQG, HN, 1995.
7. Ban chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị. *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: Thắng lợi và bài học*. Nxb CTQG, HN, 1995.
8. Nguyễn Trọng Phúc (Chủ biên). *Tìm hiểu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam qua các Đại hội và Hội nghị Trung ương 1930 – 2002*. Nxb Lao động, 2003.
9. Đại học Quốc gia Hà Nội: Một số chuyên đề về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Lí luận Chính trị, Hà Nội, 2008.
10. Bộ giáo dục và Đào tạo: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Tài liệu phục vụ dạy và học chương trình các môn lí luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng), NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2008.

CHƯƠNG IV

ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HOÁ

A. YẾU CẦU

Nắm được:

- Các khái niệm cơ bản về công nghiệp hoá, hiện đại hoá
- Sự cần thiết của việc tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước
- Chủ trương của Đảng về công nghiệp hoá trước đổi mới
- Đặc trưng chủ yếu của công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới
- Công nghiệp hoá, Hiện đại hoá thời kỳ đổi mới, kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

B. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC

- Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá
- Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá
- Nội dung và định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức

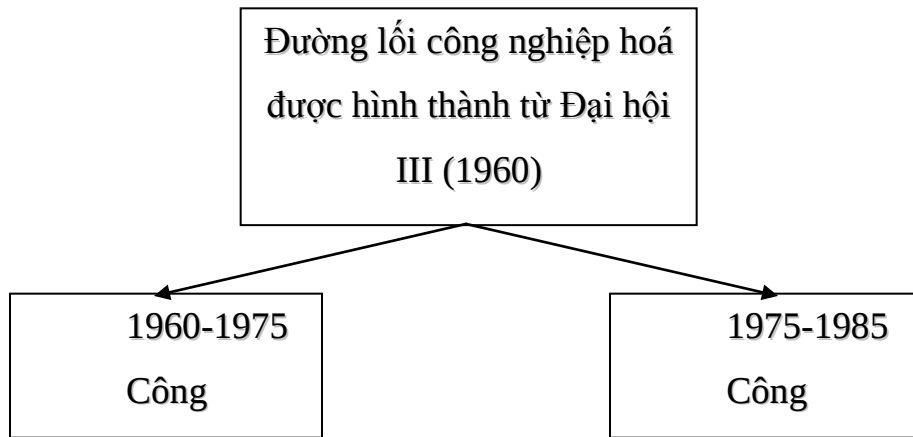
C. NỘI DUNG

I. CÔNG NGHIỆP HOÁ THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI

1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hoá

a. Mục tiêu và phương hướng của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa

Đảng Cộng sản Việt Nam xác định công nghiệp hoá XHCN là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta.



*** Công nghiệp hoá ở miền Bắc**

- *Mục tiêu cơ bản:*

- + Xây dựng một nền kinh tế XHCN cân đối và hiện đại;
- + Bước đầu xây dựng cơ sở vật chất & kỹ thuật của CNXH.

- *Cơ cấu kinh tế:* Kết hợp công nghiệp với nông nghiệp và lấy công nghiệp nặng làm nền tảng

- *Phương hướng chỉ đạo:*

- + Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý
- + Kết hợp chặt chẽ phát triển công nghiệp với phát triển nông nghiệp
- + Ra sức phát triển công nghiệp nhẹ đồng thời với việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng
- + Ra sức phát triển công nghiệp trung ương, đồng thời đẩy mạnh công nghiệp địa phương.

*** Công nghiệp hoá trên phạm vi cả nước**

Chủ trương của Đảng tại đại hội IV (12-1976)

- + Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển công nghiệp nhẹ và nông nghiệp

+ Kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công-nông nghiệp

+ Kết hợp, xây dựng kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất.

Chủ trương của Đảng tại đại hội V (3-1982)

+ Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, phải lấy *nông nghiệp là mặt trận hàng đầu*, ra sức phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

+ Việc xây dựng và phát triển Công nghiệp nặng trong giai đoạn này cần làm *có mức độ, vừa sức*, nhằm phục vụ thiết thực, có hiệu quả cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ

b. Đặc trưng chủ yếu của công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới

- Công nghiệp hoá theo mô hình nền kinh tế khép kín, hướng nội và thiên về phát triển công nghiệp nặng.

- Chủ yếu dựa vào lợi thế về lao động, tài nguyên đất đai và nguồn viện trợ của các nước XHCN; Chủ lực thực hiện công nghiệp hoá là Nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước; Việc phân bổ nguồn lực để công nghiệp hoá chủ yếu bằng cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, trong một nền kinh tế phi thị trường.

- Nóng vội, giản đơn, chủ quan duy ý chí, ham làm nhanh, làm lớn, không quan tâm đến hiệu quả kinh tế xã hội.

2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

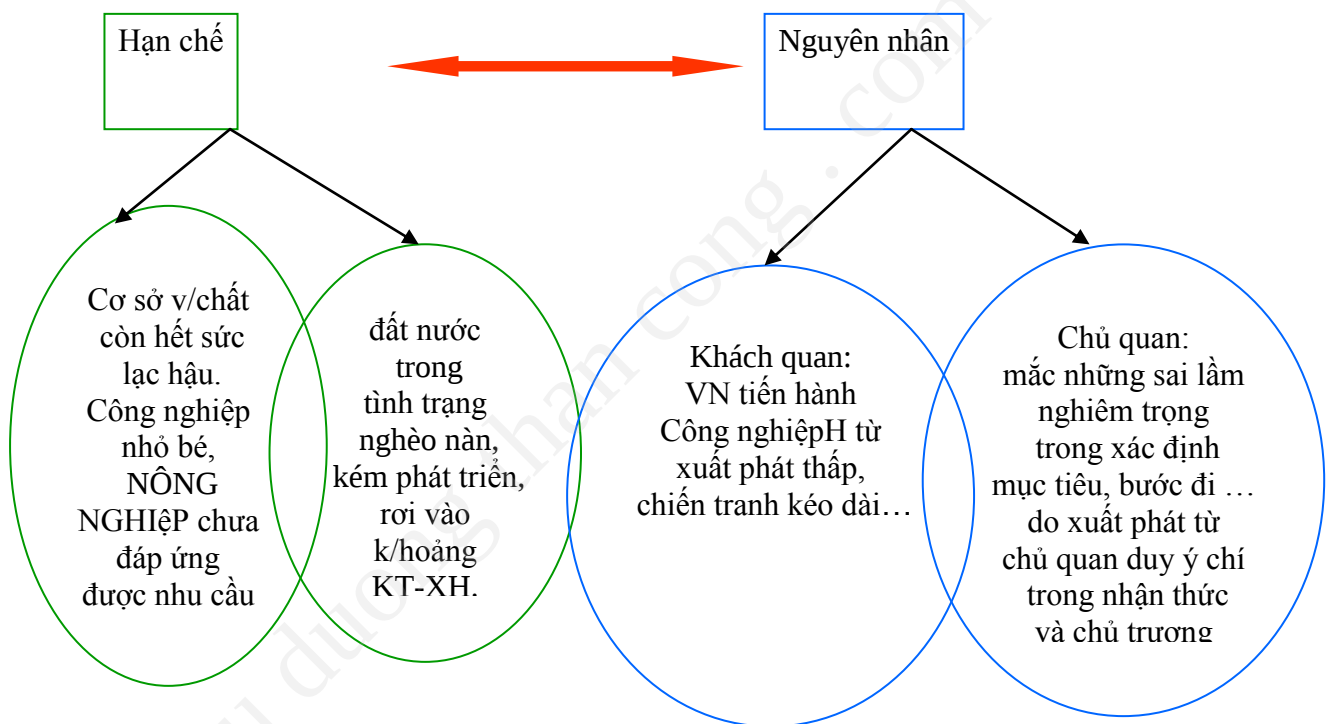
a. Kết quả và ý nghĩa

- So với năm 1955, số xí nghiệp tăng lên 16,5 lần, nhiều khu công nghiệp lớn đã hình thành...

- Đã có hàng chục trường đại học, cao đẳng, TH, dạy nghề đào tạo được đội ngũ cán bộ khoa học – kỹ thuật cấp xi 43 vạn người, tăng 19 lần so với 1960 là thời điểm bắt đầu Công nghiệp hoá.

→ Những kết quả trên có ý nghĩa hết sức quan trọng – tạo cơ sở ban đầu để nước ta phát triển nhanh hơn trong những giai đoạn tiếp theo.

b. Hạn chế và nguyên nhân



II. CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Khái niệm

Công nghiệp hóa? Công nghiệp hoá là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động dựa trên phát triển công nghiệp cơ khí.

Hiện đại hoá? Hiện đại hoá là quá trình ứng dụng và trang bị những thành tựu và công nghệ tiên tiến, hiện đi vào quá trình sản xuất kinh doanh, dịch vụ, vào quản lý kinh tế - xã hội.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá? Là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ của khoa học công nghệ hiện đại nhằm tạo ra năng suất lao động cao.

1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá

a. Đại hội VI của Đảng phê phán sai lầm trong nhận thức và chủ trương Công nghiệp hoá thời kỳ 1960-1986

- Phạm sai lầm trong việc xác định *mục tiêu* và *bước đi* về xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật, cải tạo XHCN và quản lý kinh tế.

- Do chủ quan, nóng vội, muốn *bỏ qua những bước đi cần thiết* nên đã chủ trương đẩy mạnh Công nghiệp hoá trong khi *chưa có đủ các tiền đề cần thiết*, lại chậm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

- *Quá thiên về phát triển công nghiệp nặng* và những công trình quy mô lớn, không tập trung sức giải quyết về căn bản vấn đề lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. đầu tư nhiều nhưng hiệu quả thấp.

- *Không thực hiện nghiêm chỉnh NQ đại hội V*: Nông nghiệp vẫn chưa thực sự được coi là mặt trận hàng đầu, công nghiệp nặng vẫn không phục vụ kịp thời nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

b. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá từ Đại hội VI đến Đại hội X

- Đại hội VI (12-1986)

Cụ thể hoá nội dung chính của Công nghiệp hoá XHCN trong chặng đường đầu tiên là thực hiện cho bằng được 3 chương trình mục tiêu về *lương thực, thực phẩm; hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu*.

- Đại hội VIII (6-1996)

Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng KT-XH, nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá đã *cơ bản hoàn thành* cho phép chuyển sang thời kỳ mới *đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*.

- Đại hội IX (4-2001) và Đại hội X (4-2006)

+ Công nghiệp hoá, hiện đại hoá của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian, vừa có bước đi tuần tự, vừa có những bước nhảy vọt, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghiệp tiên tiến, đặc biệt là công nghiệp thông tin và công nghiệp sinh học.

+ Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước phải gắn chặt với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ & công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá

a. Mục tiêu

Đại hội X đề ra mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn liền với phát triển kinh tế tri thức:

- Sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển

- Tạo nền tảng để đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

b. Quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá:

Được đề ra tại Hội nghị lần thứ 7 (khoá VII) và được phát triển, bổ sung qua các ĐH VIII, IX, X của Đảng

* Công nghiệp hoá gắn với hiện đại hoá; công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức

* Công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế

* Lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững

* Coi phát triển khoa học và công nghệ là nền tảng, là động lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá

* Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

3. Nội dung và định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức

a. Nội dung

- Phát triển các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức

- Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng

- Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý

- Giảm chi phí trung gian, nâng cao năng suất lao động

b. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức

- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn

- Phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng và dịch vụ

- Phát triển kinh tế vùng

- Phát triển kinh tế biển

- Chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ
- Bảo vệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên

4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a. Kết quả thực hiện đường lối và ý nghĩa

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật của đất nước được tăng cường đáng kể, khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế được nâng cao.
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã đạt được kết quả quan trọng: tỷ trọng công nghiệp và xây dựng tăng, tỷ trọng nông – lâm – thủy hải sản giảm.
- Có sự chuyển dịch trong từng ngành kinh tế, từng vùng kinh tế, thành phần kinh tế, trong cơ cấu lao động...
- Thành tựu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã góp phần quan trọng đưa nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, bình quân từ năm 2000 đến nay đạt trên 7,5%/năm.

→ Những thành tựu trên có ý nghĩa quan trọng, là cơ sở để phấn đấu đạt mục tiêu: Sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

b. Hạn chế và nguyên nhân

Hạn chế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn thấp
- Nguồn lực của đất nước chưa được sử dụng có hiệu quả cao
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm
- Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển

Nguyên nhân

- Nhiều chính sách và giải pháp chưa đủ mạnh để huy động và sử dụng được tốt nhất các nguồn lực

- Cải cách hành chính còn chậm và kém hiệu quả

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện còn yếu kém...

D. CÁC VẤN ĐỀ ÔN TẬP

1. So sánh đặc trưng của công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới và thời kỳ đổi mới?
2. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá
3. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá
4. Nội dung và định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức

E. CÁC VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. Chủ trương công nghiệp hoá của Đảng thời kỳ trước đổi mới
2. Chủ trương công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Đảng từ 1986 - nay

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB CTQG, Hà Nội, 2009.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình LSDCSVN*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2006.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình *Kinh tế Chính trị Mác-Lênin*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2006.

4. Đại học Quốc gia Hà Nội: Một số chuyên đề về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Lí luận Chính trị, Hà Nội, 2008.

5. Bộ giáo dục và Đào tạo: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Tài liệu phục vụ dạy và học chương trình các môn lí luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng), NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2008.

CHƯƠNG V

ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

A. YÊU CẦU

Nắm được:

- Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường
- Cơ chế quản lý kinh tế Việt Nam thời kỳ trước đổi mới
- Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới
- Tiếp tục hoàn thiện thể chế Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta
- Mục tiêu và quan điểm cơ bản
- Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN
- Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

B. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC

- Quá trình đổi mới nhận thức về Kinh tế thị trường
- Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới
- Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta

C. NỘI DUNG

I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường

1. Cơ chế quản lý kinh tế Việt Nam thời kỳ trước đổi mới

a. Cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp

Yêu cầu nắm được :

Đặc điểm chủ yếu của cơ chế quản lý kinh tế - kế hoạch hoá tập trung:

- Nhà nước quản lý nền kinh tế chủ yếu bằng mệnh lệnh hành chính

- Các cơ quan hành chính can thiệp quá sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhưng lại không chịu trách nhiệm gì về v/chất đối với các quyết định của mình.

- Quan hệ hàng hoá-tiền tệ bị coi nhẹ, chỉ là hình thức, quan hệ hiện vật là chủ yếu.

- Bộ máy quản lý cồng kềnh, nhiều cấp trung gian, phong cách cửa quyền quan liêu...

Các hình thức chủ yếu của chế độ bao cấp

- *Bao cấp qua giá*: Nhà nước quyết định giá trị tài sản hàng hóa thấp hơn giá trị thực của nó nhiều lần so với giá thị trường, → hạch toán kinh tế chỉ là hình thức

- *Bao cấp qua chế độ tem phiếu*: quy định chế độ phân phối vật phẩm tiêu dùng cho cán bộ, công nhân viên theo định mức qua hình thức tem phiếu

- *Bao cấp theo chế độ cấp phát vốn* của ngân sách nhưng không có chế tài ràng buộc trách nhiệm vật chất đối với các đơn vị được cấp vốn.

b. Nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế

- Nhu cầu thoát khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội

- Chủ trương, chính sách đổi mới từng phần từ năm 1979 đến năm 1985

- + *Khoán sản phẩm trong nông nghiệp theo Chỉ thị 100-CT/TU (1981)*

của Ban Bí thư

- + *Quyết định 25, 26-CP (1981) của Chính phủ*

- + *Nghị quyết TU 8 (1985) về giá-lương-tiền...*

→ Nhu cầu cấp thiết và cấp bách phải đổi mới triệt để cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp.

2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới

a. Từ Đại hội VI (1986) đến Đại hội VIII (1996)

- Một là, kinh tế thị trường không phải là cái riêng có của CNTB mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại.

- Hai là, kinh tế thị trường còn tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

- Ba là, có thể và cần thiết sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng CNXH ở nước ta.

b. Từ đại hội IX (2001) đến đại hội X (2006)

- Đại hội IX khẳng định: Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên XHCN ở nước ta.

- Đại hội X làm rõ hơn về định hướng XHCN trong nền kinh tế thị trường ở nước ta, thể hiện qua 4 tiêu chí:

+ Về mục đích phát triển: ...nhằm thực hiện “dân giàu, nước mạnh, XH công bằng, dân chủ, văn minh”

+ Về phương hướng phát triển: phát triển các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước & kinh tế tập thể giữ vai trò chủ đạo

+ Về định hướng XH và phân phối: thực hiện tiến bộ và công bằng XH, phát triển văn hoá giáo dục; phân phối theo kết quả lao động

+ Về quản lý: Nhà nước quản lý bằng pháp luật dưới sự lãnh đạo của Đảng

II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta

1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản

a. Thể chế kinh tế và thể chế kinh tế thị trường

Thế chế kinh tế là một hệ thống các quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế.

Thế chế kinh tế bao gồm:

Các yếu tố chủ yếu là các đạo luật, quy chế, quy tắc, chuẩn mực về kinh tế gắn với các chế tài xử lý vi phạm, các tổ chức kinh tế, các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế, truyền thống văn hoá và văn minh kinh doanh, cơ chế vận hành nền kinh tế.

Thế chế Kinh tế thị trường là một tổng thể bao gồm các quy tắc, luật lệ và hệ thống các thực thể và tổ chức KT được tạo lập nhằm điều chỉnh hoạt động giao dịch, trao đổi trên thị trường.

Thế chế kinh tế thị trường bao gồm:

- Các quy tắc về hành vi kinh tế diễn ra trên thị trường - các bên tham gia thị trường với tư cách là các chủ thể thị trường.

- Cách thức thực hiện các quy tắc nhằm đạt được mục tiêu hay kết quả mà các bên tham gia thị trường mong muốn.

- Các thị trường – nơi hàng hoá được giao dịch, trao đổi trên cơ sở các yêu cầu, quy định của luật lệ (các thị trường quan trọng như hàng hoá và dịch vụ, vốn, lao động, công nghệ, bất động sản...)

Thế chế kinh tế thị trường định hướng XHCN: là thế chế kinh tế thị trường, trong đó các thiết chế, công cụ và nguyên tắc vận hành được tự giác tạo lập và sử dụng để phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Nói cách khác, thế chế kinh tế thị trường định hướng XHCN là công cụ hướng dẫn cho các chủ thể trong nền kinh tế vận động theo đuổi mục tiêu kinh tế xã hội tối đa, chứ không đơn thuần là mục tiêu lợi nhuận tối đa.

b. Mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN

Đến năm 2010 cần đạt các mục tiêu

- Từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật, đảm bảo cho nền Kinh tế thị trường định hướng XHCN phát triển thuận lợi.
- Đổi mới cơ bản mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công
- Phát triển đồng bộ, đa dạng các loại hình thị trường cơ bản thống nhất trong cả nước, từng bước liên thông với thị trường khu vực và thế giới.
- Giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.
- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị xã hội và nhân dân trong quản lý, phát triển KT-XH.

c. Quan điểm về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN

- Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường
- Đảm bảo tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế, giữa các yếu tố kinh tế thị trường
- Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại, kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới nước ta
- Chủ động, tích cực giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng... vừa làm vừa tổng kết rút kinh nghiệm
- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý kinh tế của Nhà nước.

2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN

a. Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN

- Chúng ta cần thiết sử dụng kinh tế thị trường làm phương tiện xây dựng CNXH

- Kinh tế thị trường định hướng XHCN là nền kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa chịu sự chi phối bởi các quy luật kinh tế của CNXH và các yếu tố đảm bảo tính định hướng XHCN.

b. Hoàn thiện thể chế về sở hữu và các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh

- Hoàn thiện thể chế về sở hữu:

- + Đất đai thuộc sở hữu toàn dân mà đại diện là Nhà nước, đồng thời đảm bảo và tôn trọng các quyền của người sử dụng đất.

- + Tách biệt vai trò của Nhà nước với tư cách là bộ máy công quyền quản lý toàn bộ nền KT-XH với vai trò chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước; tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước với chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước.

- + Quy định rõ, cụ thể về quyền của chủ sở hữu và những người liên quan đối với các loại tài sản.

- + Ban hành các quy định pháp lý về quyền sở hữu của các DN, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Hoàn thiện thể chế về phân phối:

- + Hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách về phân bổ nguồn lực, phân phối và phân phối lại theo hướng đảm bảo tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển.

- + Đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế: phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, thu hẹp các lĩnh vực độc quyền nhà nước; đổi mới, phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác theo cơ chế thị trường, theo nguyên tắc: tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, cùng có lợi và phát triển cộng đồng.

+ Đổi mới cơ chế quản lý của Nhà nước để các đơn vị sự nghiệp công lập phát triển mạnh mẽ, có hiệu quả.

c. Hoàn thiện thể chế đảm bảo đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường

- Hoàn thiện thể chế về giá, cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh.

- Hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách cho hoạt động và phát triển lành mạnh của thị trường chứng khoán, tăng tính minh bạch, chống các giao dịch phi pháp, các hành vi rửa tiền, nhiễu loạn thị trường.

- Xây dựng đồng bộ luật pháp, cơ chế, chính sách quản lý, hỗ trợ các tổ chức n/cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ...

d. Hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường

- Thực hiện chính sách khuyến khích làm giàu đi đôi với tích cực thực hiện giảm nghèo

- Xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội đa dạng và linh hoạt cho phù hợp với yêu cầu của kinh tế thị trường định hướng XHCN

- Hoàn thiện luật pháp, chính sách về bảo vệ môi trường, có chế tài đủ mạnh đối với các trường hợp vi phạm, xử lý các điểm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và ngăn chặn không để phát sinh thêm.

e. Hoàn thiện thể chế về vai trò lãnh đạo của đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào quá trình phát triển KT-XH

- Vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện ở chỗ chỉ đạo nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để xác định đầy đủ hơn mô hình kinh tế thị trường định

hướng XHCN, đặc biệt là nội dung định hướng XHCN để tạo ra sự đồng thuận trong xã hội.

- Đổi mới, nâng cao vai trò, hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước: ngăn ngừa mặt trái của kinh tế thị trường, tạo điều kiện cho kinh tế thị trường phát triển theo định hướng CNXH và hội nhập

- Các tổ chức dân cử, tổ chức chính trị xã hội... và nhân dân tích cực tham gia vào quá trình hoạch định, thực thi, giám sát thực hiện luật pháp, các chủ trương phát triển kinh tế xã hội.

3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a. Kết quả và ý nghĩa

- Sau hơn 20 năm đổi mới, nước ta đã chuyển đổi thành công từ thể chế KT tập trung quan liêu, bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

- Chế độ sở hữu với nhiều hình thức và cơ cấu kinh tế nhiều thành phần được hình thành.

- Các loại thị trường cơ bản đã ra đời và từng bước phát triển thống nhất trong cả nước, gắn với thị trường khu vực và thế giới.

- Việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, xoá đói giảm nghèo đạt nhiều kết quả tích cực.

→ Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội, tạo ra được những tiền đề cần thiết đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá sớm đa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển.

b. Hạn chế và nguyên nhân

Hạn chế

- Quá trình xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN còn chậm

- Vấn đề sở hữu, quản lý và phân phối trong doanh nghiệp Nhà nước chưa giải quyết tốt
- Cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành của bộ máy Nhà nước còn nhiều bất cập
- Cơ chế, chính sách phát triển các lĩnh vực văn hoá xã hội đổi mới chậm...

Nguyên nhân

- Việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là vấn đề hoàn toàn mới chưa có tiền lệ.
- Năng lực của Nhà nước còn hạn chế...

D. CÁC VẤN ĐỀ ÔN TẬP

1. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới
2. Mục tiêu và quan điểm cơ bản tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN
3. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

E. CÁC VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về kinh tế thị trường trước đổi mới
2. Kinh tế thị trường tồn tại lâu dài, xuyên suốt thời kỳ quá độ ở nước ta

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo : Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB CTQG, Hà Nội, 2009.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình *Kinh tế Chính trị Mác-Lênin*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2006.1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB CTQG, Hà Nội, 2009.
3. Đại học Quốc gia Hà Nội: Một số chuyên đề về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Lí luận Chính trị, Hà Nội, 2008.
4. Bộ giáo dục và Đào tạo: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Tài liệu phục vụ dạy và học chương trình các môn lí luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng), NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2008.

CHƯƠNG VI

ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

A. YÊU CẦU:

- Nắm được khái niệm hệ thống chính, cấu trúc của hệ thống chính trị.
- Đường lối xây dựng hệ thống chính trị ở Việt Nam thời kỳ trước đổi mới (1975 – 1986).
- Đường lối xây dựng hệ thống chính trị ở Việt Nam thời kỳ đổi mới.
- Những thành tựu đạt được, ý nghĩa.

B. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC:

Sinh viên nắm được đường lối xây dựng hệ thống chính trị ở Việt Nam thời kỳ đổi mới, những thành tựu đạt được trong hơn 20 năm qua.

C. NỘI DUNG:

I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới

1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị của Đảng

a. Hoàn cảnh lịch sử

Sau tháng 4/1975 hệ thống chính trị nước ta chuyển sang giai đoạn mới từ hệ thống chuyên chính dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản (giai đoạn 1960 – 1975) sang hệ thống chuyên chính vô sản; từ chỗ hoạt động trong phạm vi nửa nước (miền Bắc) mở rộng sang hoạt động trong phạm vi cả nước với những đặc điểm sau:

- Cả nước hoà bình, độc lập, thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng, có nền CCVS được thử thách, có khối liên minh công nông vững chắc
- Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới là vượt qua giai đoạn phát triển TBCông nghiệp, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH. Xuất phát từ một nước vốn là thuộc địa, bỏ qua giai đoạn phát triển TBCông nghiệp để tiến thẳng lên CNXH.

- Nước ta tiến lên CMXHCN trong hoàn cảnh quốc tế có nhiều thuận lợi.

b. Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị

Cơ sở hình thành chủ trương

- Một là, lý luận Mác-Lênin về thời kỳ quá độ và chuyên chính vô sản
- Hai là, đường lối chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới (được thể hiện trong Báo cáo chính trị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV -12/1976)
- Ba là, cơ sở chính trị của hệ thống chuyên chính vô sản nước ta được hình thành từ những năm 1930 và bắt rễ vững chắc trong lòng dân tộc và xã hội.
- Bốn là, cơ sở kinh tế của hệ thống chuyên chính vô sản là nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp.
- Năm là, cơ sở xã hội của chuyên chính vô sản là liên minh giai cấp của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.
- Sáu là, cơ sở lịch sử cho sự ra đời của hệ thống chuyên chính vô sản giai đoạn 1975 – 1986 là giai cấp công nhân đã nắm vai trò lãnh đạo cách mạng và thực hiện chuyên chính vô sản ở miền Bắc từ tháng 7/1954, và cả nước từ sau ngày 30/04/1975.

Nội dung chủ trương xây dựng hệ thống chính trị

Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị gồm những nội dung sau:

- Một là, xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động
- Hai là, xác định Nhà nước trong chế độ làm chủ tập thể là Nhà nước chuyên chính vô sản, một tổ chức thực hiện quyền làm chủ tập thể của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.
- Ba là, xác định Đảng là người lãnh đạo toàn bộ hoạt động xã hội trong điều kiện chuyên chính vô sản.

- Bốn là, xác định nhiệm vụ chung của các đoàn thể là đảm bảo cho quần chúng tham gia và kiểm tra công việc của Nhà nước, đồng thời là trường học về CNXH.
- Năm là, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động theo cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.

c. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

*** Kết quả, ý nghĩa**

Trong giai đoạn 1975 – 1986 hệ thống chính trị được xây dựng theo đường lối đại hội IV, V đã mang lại những thành tựu to lớn:

- Coi làm chủ tập thể là bản chất của hệ thống chính trị
- Xây dựng được mối quan hệ Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.

*** Hạn chế và nguyên nhân**

Hạn chế

- Mối quan hệ Đảng, Nhà nước và nhân dân ở từng cấp đơn vị chưa được xác định rõ.
- Chế độ, trách nhiệm không nghiêm, pháp chế XHCN còn nhiều thiếu sót.

Khuyết điểm

- Tình trạng buông lỏng chuyên chính vô sản
- Chưa sử dụng đầy đủ sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản để thiết lập và giữ vững trật tự, an ninh xã hội.

II. Xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới

1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị

2. Cơ sở hình đường lối

- Yêu cầu chuyển đổi đổi mới từ thể chế kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.
- Xuất phát từ nhu cầu phải đảm bảo giữ vững ổn định chính trị, xã hội.
- Yêu cầu phát huy dân chủ XHCN
- Yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế

a. Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng hệ thống chính trị

Cương lĩnh năm 1991 khẳng định: “Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân”:

- Sử dụng khái niệm hệ thống chính trị thay thế khái niệm hệ thống chuyên chính vô sản.
- Nhận thức rõ hơn về cơ cấu và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị ở nước ta.
- Nhận thức rõ hơn về yêu cầu dân chủ hoá đời sống.
- Đổi mới nhận thức về Nhà nước và Nhà nước pháp quyền.
- Nhận thức rõ hơn về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị.

b. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới

*** Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị**

Mục tiêu

- Cương lĩnh năm 1991 khẳng định: “Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân”.

- Văn kiện Đại hội VIII của Đảng (6/1996) khẳng định: Thực hiện dân chủ XHCN là thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị.

Quan điểm

- Một là, dùng khái niệm “hệ thống chính trị” thay cho khái niệm “chuyên chính vô sản” và khái niệm “làm chủ tập thể” được dùng trong các giai đoạn trước đây.
- Hai là, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm đồng thời từng bước đổi mới hệ thống chính trị.
- Ba là, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, làm cho hệ thống chính trị hoạt động năng động hơn, có hiệu quả hơn; đặc biệt là phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.
- Bốn là, đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.
- Năm là, đổi mới mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội, tạo ra sự vận động cùng chiều theo hướng tác động, thúc đẩy xã hội phát triển; phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

*** Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị**

- Xây dựng Đảng trong hệ thống chính trị.
- Xây dựng Nhà nước trong hệ thống chính trị.
- Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị – xã hội trong hệ thống chính trị.

*** Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân**

Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa

- Tổ chức và hoạt động của hệ thống chính ở nước ta đã có nhiều đổi mới góp phần xây dựng và từng bước hoàn thiện về dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.
- Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan Nhà nước được phân định rõ hơn, phân biệt quản lý Nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh.
- Mặt trận, các tổ chức chính trị – xã hội có nhiều đổi mới về tổ chức, bộ máy; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động.
- Đảng đã thường xuyên coi trọng xây dựng, chỉnh đốn, giữ vững và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong điều kiện mới.

Hạn chế và nguyên nhân

Hạn chế:

- Hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm. Năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước, hiệu quả hoạt động của mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội chưa ngang tầm đòi hỏi của tình hình.

- Việc đổi mới nền hành chính quốc gia còn nhiều hạn chế.

Phương thức tổ chức, phong cách hoạt động của Mặt trận và các tổ chức chính trị – xã hội chưa thoát khỏi tình trạng hành chính, xơ cứng.

- Vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội còn yếu, chưa có cơ chế thật hợp lý để phát huy vai trò của Mặt trận và các tổ chức chính trị – xã hội.

- Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị còn chậm đổi mới, có mặt lúng túng.

Nguyên nhân:

- Nhận thức về đổi mới hệ thống chính trị chưa có sự thống nhất cao, trong hoạch định và trong thực hiện một số chủ trương, giải pháp công nghiệp ngừng, lúng túng, thiếu dứt khoát, không triệt để.
- Việc đổi mới hệ thống chính trị chưa được quan tâm đúng mức, còn trậm trễ so với kinh tế.

D. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị của Đảng thời kỳ trước đổi mới (1975 – 1986)? Thành tựu và hạn chế?
2. Phân tích đường lối xây dựng hệ thống chính trị của đảng thời kỳ 1986 đến nay?
3. Thành tựu của quá trình xây dựng hệ thống chính trị từ 1986 đến nay? Ý nghĩa lịch sử và những vấn đề đặt ra trong giai đoạn hiện nay?

E. CÁC VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. So sánh chủ trương xây dựng hệ thống chính trị của Đảng trước đổi mới và sau đổi mới
2. Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay, những thành tựu và hạn chế

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban dân vận Trung ương: *Tư tưởng dân vận của Hồ Chí Minh*, NXB. CTQG, Hà Nội, 1995.
2. Hoàng Chí Bảo: *Hệ thống chính trị cơ sở ở nông thôn nước ta hiện nay* (sách tham khảo), NXB. CTQG, Hà Nội, 2004.

3. Nguyễn Đức Bình, Trần Ngọc Hiên, Đoàn Trọng Chuyển, Nguyễn văn Thảo, Trần Xuân Sâm: *Đổi mới và tăng cường hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn mới*, NXB. CTQG, Hà Nội, 1999.
4. Đinh Xuân Lý (Chủ biên): *Tìm hiểu vai trò của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam*, NXB. CTQG, Hà Nội, 2005
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo : *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB CTQG, Hà Nội, 2009.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Kinh tế Chính trị Mác-Lênin*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2006.1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB CTQG, Hà Nội, 2009.
7. Đại học Quốc gia Hà Nội: *Một số chuyên đề về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Lí luận Chính trị, Hà Nội, 2008.
8. Bộ giáo dục và Đào tạo: *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Tài liệu phục vụ dạy và học chương trình các môn lí luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng)*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2008.

CHƯƠNG VII

ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

A. YÊU CẦU:

- Nắm được quá trình Đảng CSVN từng bước nhận thức và giải quyết vấn đề xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam qua từng thời kỳ cách mạng.

- + Thời kỳ 1943 – 1975
- + Thời kỳ 1975 – 1986
- + Thời kỳ 1986 – 1995
- + Thời kỳ 1996 đến nay

Những kết quả, ý nghĩa của từng thời kỳ đó.

- Nắm được quá trình Đảng CSVN từng bước nhận thức và giải quyết các vấn đề xã hội ở Việt Nam qua từng thời kỳ cách mạng (Trước và sau giai đoạn đổi mới đất nước đến nay)

B. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC

- Chủ trương của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam từ năm 1986 đến nay, những thành tựu đạt được.
- Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội trong thời kỳ đổi mới, kết quả, ý nghĩa.

C. NỘI DUNG

I. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng, phát triển nền văn hoá

1. Thời kỳ trước đổi mới

a. Quan điểm, chủ trương về xây dựng nền văn hoá

- Năm 1943, trong bản Đề cương văn hoá Việt Nam do ffồng chí Tổng bí thư Trường Chinh trực tiếp dự thảo đã đề ra 3 nguyên tắc của nền văn hoá mới: dân tộc hoá, khoa học hoá và đại chúng hoá.
- Ngày 3/9/1945 trong khi nêu 6 nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Đảng ta đã nêu ra 2 nhiệm vụ về văn hoá:
 - + Một là, cùng với diệt giặc đói phải diệt giặc dốt
 - + Hai là, giáo dục lại nhân dân chúng ta, làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập.
- Đường lối văn hoá được thể hiện trong: Bản chỉ thị Kháng chiến, kiến quốc (25/11/1945) của Ban thường vụ Trung ương Đảng; trong bức thư về Nhiệm vụ văn hoá Việt Nam trong công cuộc cứu nước và xây dựng nước ta hiện nay; báo cáo Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam (7/1948) bao gồm những nội dung:
 - + Xác định mối quan hệ giữa văn hoá và cách mạng giải phóng dân tộc, cổ động văn hoá cứu quốc
 - + Xây dựng nền văn mới Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng .
 - + Tích cực bài trừ nạn mù chữ, mở đại học và trung học, cải cách việc học theo tinh thần mới, bài trừ cái xấu xa, hủ bại, học cái hay, cái tốt của văn hoá thế giới.

b. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

Kết quả và ý nghĩa

- Đã xoá bỏ di sản văn hoá phong kiến, xoá bỏ nền văn hoá nô dịch của thực dân Pháp, xây dựng nền văn hoá dân chủ mới với tính chất khoa học, dân tộc và đại chúng.

- Hoàn thành xoá nạn mù chữ, phát triển hệ thống giáo dục, cải cách phương pháp dạy học, bài trừ hủ tục
- Trong những năm 1960 – 1975 công tác tư tưởng văn hoá đã đạt được những thành tựu to lớn: miền Bắc văn hoá, giáo dục phát triển với tốc độ cao; trình độ văn hoá chung của xã hội được nâng lên một mức đáng kể; lối sống mới đã trở thành phổ biến.

Hạn chế và nguyên nhân

- Công tác văn hoá tư tưởng thiếu sắc bén, thiếu tính chiến đấu
- Việc xây dựng thể chế văn hoá còn chậm
- Sự suy thoái về đạo đức, lối sống
- Văn học , nghệ thuật còn những mặt bất cập.

Nguyên nhân

- Do hoàn cảnh chiến tranh
- Do cơ chế quản lý kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp, và tâm lý bình quân chủ nghĩa.

2. Trong thời kỳ đổi mới

a. Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển văn hoá

Từ đại hội VI đến đại hội X đã hình thành từng bước nhận thức mới về đặc trưng của nền văn hoá mới; về vai trò, vị trí của văn hoá trong phát triển kinh tế – xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế:

- Đại hội VI (12/1986) xác định khoa học kỹ thuật là một động lực to lớn đẩy mạnh quá trình phát triển kinh tế – xã hội; có vị trí then chốt trong xây dựng CNXH.
- Cương lĩnh năm 1991 lần đầu tiên đưa ra quan niệm về nền văn hoá Việt Nam có hai đặc trưng: tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc; khoa học và công nghệ , giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu.

- Đại hội VII, VII, IX, X và nhiều nghị quyết trung ương đã xác định văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội và coi văn hoá vừa là mục tiêu vừa là động lực của phát triển
- Nghị quyết trung ương 5 khoá VIII (7/1998) chỉ ra 5 quan điểm cơ bản chỉ đạo quá trình phát triển văn hoá trong thời kỳ Công nghiệp hoá – Hiện đại hoá đất nước.
- Hội nghị trung ương 9 khoá IX (1/2004) xác định thêm: phát triển văn hoá đồng bộ với phát triển kinh tế
- Hội nghị trung ương 10 (khóa IX) đặt vấn đề đảm bảo sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm; xây dựng chính đồn đảng là nhiệm vụ then chốt với nhiệm vụ không ngừng nâng cao văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội

b. Quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển văn hoá

- Một là, văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển của kinh tế – xã hội.
- Hai là, nền văn hoá mà ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Ba là, nền văn hoá Việt Nam là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc.
- Bốn là, xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.
- Năm là, Văn hoá là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hoá là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.
- Sáu là, giáo dục đào tạo cùng với khoa học và công nghệ được coi là quốc sách hàng đầu.

c. Chủ trương xây dựng và phát triển nền văn hoá.

- Phát triển văn hoá gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển kinh tế – xã hội
- Làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.
- Bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc, mở rộng giao lưu, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.
- Đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao
- Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của khoa học và công nghệ.
- Xây dựng và hoàn thiện các giá trị mới và nhân cách con người Việt Nam trong thời kỳ Công nghiệp hoá – Hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

d. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

Kết quả và ý nghĩa

- Cơ sở vật chất, kỹ thuật của nền văn hoá mới đã bước đầu được tạo dựng; quá trình đổi mới tư duy về văn hoá, về xây dựng con người và nguồn nhân lực có bước phát triển rõ rệt..
- Giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới.
- Khoa học và công nghệ có bước phát triển, phục vụ thiết thực hơn nhiệm vụ phát triển kinh tế.
- Văn hoá phát triển, việc xây dựng đời sống văn hoá và nếp sống văn minh có tiến bộ ở tất cả các tỉnh, thành tron cả nước.

Hạn chế và nguyên nhân

- Sự phát triển của văn hoá chưa đồng bộ và tương xứng với tăng trưởng kinh tế, thiếu gắn bó với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng
- Nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ Công nghiệp hoá – NĐH chưa tạo được chuyển biến rõ rệt.
- Môi trường văn hoá còn bị ô nhiễm bởi các tệ nạn xã hội.
- Việc xây dựng các thể chế văn hoá còn chậm, chưa đổi mới, thiếu đồng bộ.

- Tình trạng nghèo nàn, thiếu thốn, lạc hậu về văn hoá - tinh thần ở nhiều vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, và vùng căn cứ cách mạng vẫn chưa được khắc phục có hiệu quả.

Nguyên nhân

- Nhận thức của Đảng về vai trò đặc biệt của văn hoá chưa thật đầy đủ.
- Chưa xây dựng được cơ chế, chính sách và giải pháp phù hợp để phát triển văn hoá trong cơ chế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.
- Một bộ phận những người hoạt động trên lĩnh vực văn hoá có biểu hiện xa rời đời sống, chạy theo chủ nghĩa thực dụng, thị hiếu hấp tấp.

II. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội

1. Thời kỳ trước đổi mới.

a. Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội

- Trong những năm chiến tranh: chính sách xã hội của Đảng được chỉ đạo bởi tư tưởng: chúng ta giành được độc lập tự do rồi mà nhân dân cứ chết đói, chết rét, thì độc lập, tự do cũng không làm gì -> chính sách xã hội cấp bách là làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, có chỗ ở, làm cho dân được học hành.

Trong những năm 1960 – 1985 chính sách xã hội mạng nặng tính bình quân chủ nghĩa, bao cấp và dựa nhiều vào viện trợ.

b. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

Kết quả và ý nghĩa

- Đảm bảo được sự ổn định của xã hội
- Đạt được thành tựu phát triển trên một số lĩnh vực như văn hoá, giáo dục, y tế, đạo đức, kỷ cương.

Hạn chế và nguyên nhân

- Đã hình thành tâm lý thụ động, ỷ lại vào Nhà nước trong cách giải quyết các vấn đề xã hội

- Chế độ phân phối bình quân, cào bằng không khuyến khích được những đơn vị, cá nhân làm tốt, làm giỏi.

- Đã hình thành một xã hội đóng, ổn định nhưng kém năng động

Nguyên nhân:

- Chưa đặt đúng tầm chính sách xã hội trong quan hệ với chính sách thuộc các lĩnh vực khác.

- Duy trì, áp dụng quá lâu cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp.

2. Trong thời kỳ đổi mới

a. Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội

- Đại hội VI (12/1986), lần đầu tiên Đảng ta đã nâng vấn đề xã hội lên tầm chính sách, đặt rõ tầm quan trọng của chính sách xã hội với chính sách kinh tế và chính sách ở các lĩnh vực khác.

- Đại hội VIII (6/1996) chủ trương hệ thống chính sách phải được hoạch định theo những quan điểm sau:

- + Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội.

- + Thực hiện nhiều hình thức phân phối.

- + Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo.

- + Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hoá.

- Đại hội IX (4/2001), chủ trương các chính sách xã hội phải hướng vào phát triển và làm lành mạnh hoá xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất...

- Đại hội X (4/2006), chủ trương phải kết hợp các mục tiêu về kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, từng địa phương.

b. Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội

- Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội

- Xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng chính sách phát triển.
- Chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ.
- Coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI) và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội.

c. Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội

- Khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả các mục tiêu xoá đói giảm nghèo.
- Bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khoẻ.
- Phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả.
- Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khoẻ và cải thiện giống nòi.
- Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.
- Chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội.
- Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng.

d. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

Kết quả và ý nghĩa

Sau 20 năm đổi mới chính sách xã hội, nhận thức về vấn đề phát triển xã hội của Đảng và nhân dân ta đã có thay đổi như sau:

- Từ tâm lý thụ động, ỷ lại vào Nhà nước và tập thể, trông chờ vào viện trợ đã chuyển sang tính năng động, chủ động và tích cực xã hội của tất cả các tầng lớp dân cư.
- Từng bước chuyển sang phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp các nguồn lực khác vào sản xuất – kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội.

- Từng bước đi đến thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội.
- Từ chỗ Nhà nước bao cấp toàn bộ tổng việc giải quyết việc làm đã dần chuyển sang thiết lập cơ chế, chính sách để các thành phần kinh tế và người lao động đều tham gia tạo việc làm.
- Đã khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo.
- Từ chỗ chỉ muốn xây dựng một xã hội “thuần nhất” đã đi đến quan niệm cần thiết xây dựng một cộng đồng xã hội đa dạng, trong đó các giai cấp, tầng lớp dân cư đều có nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, đoàn kết chặt chẽ, góp phần xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh.
- Qua 20 năm đổi mới, lĩnh vực xã hội đã đạt nhiều thành tựu.
Bên cạnh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức đã xuất hiện ngày càng đông đảo các doanh nhân, tiểu chủ chủ trang trại và các nhóm xã hội khác phân đầu vì “dân giàu, nước mạnh”. Thành tựu xóa đói giảm nghèo được nhân dân đồng tình, được quốc tế thừa nhận và nêu gương.
Đã coi giáo dục - đào tạo cùng với khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

Hạn chế và nguyên nhân

- Áp lực tăng dân số còn lớn. Chất lượng dân số còn thấp. Vấn đề việc làm rất bức xúc và nan giải.
- Sự phân hoá giàu – nghèo và bất công xã hội tiếp tục gia tăng đáng lo ngại.
- Tệ nạn xã hội gia tăng và diễn biến rất phức tạp
- Môi trường sinh thái bị ô nhiễm tiếp tục tăng thêm, tài nguyên thiên nhiên bị khai thác bừa bãi và tàn phá.
- Hệ thống giáo dục, y tế lạc hậu, xuống cấp, có nhiều bất cập, an sinh xã hội chưa được đảm bảo.

Nguyên nhân

- Tăng trưởng kinh tế vẫn tách rời với mục tiêu chính sách xã hội.
- Quản lý xã hội còn nhiều bất cập, không theo kịp sự phát triển kinh tế – xã hội.

D. CÁC VẤN ĐỀ ÔN TẬP

1. Trình bày quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng nền văn hoá mới trong những năm 1943 – 1975. Thành tựu, hạn chế và nguyên nhân?
2. Trình bày quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng nền văn hoá mới trong thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay. Thành tựu, hạn chế và nguyên nhân?
3. Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội ở Việt Nam trước đổi mới ở Việt Nam. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân?
4. Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội ở Việt Nam thời kỳ đổi mới. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân?

E. CÁC VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển của kinh tế – xã hội.
2. Về tính chất nền văn hoá Việt Nam: Tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB. CTQG, Hà Nội, 1996.
2. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB. CTQG, Hà Nội, 2001.
3. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm BCH TƯ khoá VIII*, NXB. CTQG, Hà Nội, 1998.

4. Trần Văn Bính (chủ biên): *Lý luận văn hoá và đường lối văn hoá của Đảng*, NXB. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB. CTQG, Hà Nội, 2006.
5. Đinh Xuân Lý (Chủ biên): *Tìm hiểu vai trò của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam*, NXB. CTQG, Hà Nội, 2005
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo : *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB CTQG, Hà Nội, 2009.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Kinh tế Chính trị Mác-Lênin*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2006. 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB CTQG, Hà Nội, 2009.
8. Đại học Quốc gia Hà Nội: *Một số chuyên đề về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2008.
9. Bộ giáo dục và Đào tạo: *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Tài liệu phục vụ dạy và học chương trình các môn lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng)*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2008.

CHƯƠNG VIII

ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI

A. YÊU CẦU

- Nắm được hoàn cảnh lịch sử và chủ trương đối ngoại của Đảng trong thời kỳ (1975 -1985). Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân.
- Nội dung đường lối đối ngoại , hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới (1986 -2008). Thành tựu, ý nghĩa.

B. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC

Đường lối đối ngoại của Đảng trong thời kỳ đổi mới đất nước. Thành tựu, ý nghĩa.

C. NỘI DUNG

I. Đường lối đối ngoại thời kỳ trước đổi mới

1. Hoàn cảnh lịch sử

a. Tình hình thế giới

- Từ thập kỷ 70, thế kỷ XX cách mạng khoa học kỹ thuật trên thế giới đã thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển
- Nhật Bản và Tây Âu vươn lên trở thành hai trung tâm lớn của kinh tế thế giới.
- Xu thế chạy đua phát triển kinh tế đã dẫn đến cục diện hoà hoãn giữa các nước.
- Từ giữa thập kỷ 70, tình hình kinh tế – xã hội ở các nước XHCN xuất hiện sự trì trệ và mất ổn định. Trong các nước XHCN xuất hiện mâu thuẫn bất đồng.
- Tình hình khu vực Đông Nam – Châu Á cũng có những chuyển biến mới, cục diện hoà bình, hợp tác.

b. Tình hình trong nước

Thuận lợi

- Tổ quốc hoà bình, thống nhất, cả nước đi lên CNXH và giành một số thành tựu ban đầu.

Khó khăn

- Hậu quả chiến tranh để lại hết sức nặng nề
- Sự chống phá của các thế lực thù địch.
- Do tư tưởng chủ quan, nóng vội muốn tiến nhanh lên CNXH đã dẫn đến những khó khăn về kinh tế – xã hội.

2. Chủ trương đối ngoại của Đảng

Nhiệm vụ: Tại Đại hội IV (12/1976), Đảng ta đã nhấn mạnh nhiệm vụ: ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để nhanh chóng hàn gắn những vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá, khoa học kỹ thuật, củng cố quốc phòng, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta”

Chủ trương đối ngoại với các nước

- Củng cố và tăng cường tình đoàn kết, chiến đấu và quan hệ hợp tác với tất cả các nước XHCN.
- Bảo vệ và phát triển mối quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào – Campuchia
- Sẵn sàng thiết lập, phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trong khu vực
- Thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường giữa Việt Nam với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi.
- Từ giữa năm 1978, Đảng ta điều chỉnh một số chủ trương, chính sách đối ngoại như: chú trọng củng cố, tăng cường hợp tác mọi mặt với Liên Xô; nhấn mạnh yêu cầu ra sức bảo vệ mối quan hệ Việt – Lào...

Tại Đại hội lần thứ V (3/1982), Đảng xác định: công tác đối ngoại phải trở thành một mặt trận chủ động, tích cực, trong đấu tranh nhằm làm thất bại

chính sách của các thế lực thù địch, hiểu chiến lược toan chống phá cách mạng nước ta.

3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân.

Kết quả và ý nghĩa

- Trong 10 năm trước đổi mới quan hệ ngoại giao của Việt Nam với các nước XHCN được tăng cường, trong đó đặc biệt là quan hệ với Liên Xô.
- Đã mở rộng quan hệ với các nước, các tổ chức quốc tế.

Hạn chế và nguyên nhân

- Từ cuối những năm 70 nước ta bị bao vây, cấm vận về kinh tế, bị cô lập về chính trị, vừa phải đương đầu với “một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt” của các thế lực thù địch.

Nguyên nhân:

- Do chưa nắm bắt được xu thế quốc tế chuyển từ đối đầu sang hoà hoãn và chạy đua kinh tế.
- Bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyện vọng chủ quan.

II. Đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới.

1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối

a. Hoàn cảnh lịch sử

Tình hình thế giới

- Từ giữa thập kỷ 80, cuộc cách mạng khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ.
- Các nước XHCN lâm vào khủng hoảng sâu sắc
- Xu thế chung của thế giới là hoà bình, hợp tác và phát triển.
- Các nước đổi mới tư duy về quan niệm sức mạnh, vị thế quốc gia.
- Xu thế toàn cầu hoá và tác động của nó.
- Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương có những chuyển biến mới.

Yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam

- Giải toả tình trạng đối đầu, căng thẳng, phá thế bị bao vây, cấm vận, tiến tới bình thường hoá và mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, tạo môi trường thuận lợi để tập trung xây dựng kinh tế.
- Nhu cầu chống tụt hậu về kinh tế

b. Các giai đoạn hình thành, phát triển đường lối

- Giai đoạn 1986 – 1996: Xác lập đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hoá quan hệ quốc tế.
- Giai đoạn 1996 – 2008: bổ sung và hoàn chỉnh đường lối đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

II. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế.

1. Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo

- Cơ hội và thách thức

+ *Về cơ hội:* Xu thế hoà bình, hợp tác phát triển và xu thế toàn cầu hoá kinh tế tạo thuận lợi cho nước ta mở rộng hoạt động đối ngoại, hợp tác phát triển kinh tế.

Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đã nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, tạo tiền đề cho quan hệ đối ngoại, hội nhập.

+ Về thách thức:

Những vấn đề toàn cầu như phân hoá giàu nghèo, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia... gây tác động đối với nước ta.

Nền kinh tế Việt Nam chịu sức ép cạnh tranh gay gắt.

Lợi dụng toàn cầu hoá, các thế lực thù địch sử dụng các chiêu bài “dân chủ” “nhân quyền” chống phá chế độ chính trị và ổn định, phát triển ở nước ta.

- Mục tiêu, nhiệm vụ

+ *Mục tiêu:* Lấy việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế – xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ quốc. Mở rộng đối ngoại và hội

nhập kinh tế quốc tế là để tạo thêm nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước; kết hợp nội lực với các nguồn lực từ bên ngoài tạo thành nguồn lực tổng hợp để đẩy mạnh công nghiệp hoá – hiện đại hoá đất nước, thực hiện dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; phát huy và nâng cao vị thế của Việt Nam trong quan hệ khu vực và quốc tế.

+ *Nhiệm vụ:* Giữ vững môi trường hoà bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế – xã hội, Công nghiệp hoá, Hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Tư tưởng, quan điểm chỉ đạo

+ Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính là xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc XHCN, đồng thời thực hiện nghĩa vụ quốc tế theo khả năng của Việt Nam.

+ Giữ vững độc lập, tự chủ, tự cường đi đôi với đẩy mạnh đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại.

+ Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế; cố gắng thúc đẩy hợp tác, nhưng vẫn phải đấu tranh dưới hình thức và mức độ thích hợp với từng đối tác; đấu tranh để hợp tác; tránh cục diện đối đầu, tránh bị đẩy vào thế cô lập.

+ Mở rộng quan hệ với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị, xã hội...

+ Kết hợp đối ngoại của Đảng, đối ngoại Nhà nước và đối ngoại nhân dân. Xác định hội nhập kinh tế quốc tế là công việc của toàn dân.

+ Giữ vững ổn định kinh tế – xã hội; giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- + Phát huy tối đa nội lực đi đôi với thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; tạo ra và sử dụng có hiệu quả các lợi thế so sánh của đất nước trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.
- + Trên cơ sở thực hiện các cam kết gia nhập WTO, đẩy nhanh nhịp độ cải cách cơ chế, thể chế, chính sách kinh tế phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước.
- + Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận, đoàn thể nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đưa các quan hệ đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định và bền vững.
- Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp.
- Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế phù hợp với các nguyên tắc, quy định của WTO.
- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy Nhà nước.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế.
- Giải quyết tốt các vấn đề văn hoá, xã hội và môi trường trong quá trình hội nhập.
- Giữ vững và tăng cường quốc phòng, an ninh trong quá trình hội nhập.
- Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại.

- Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với hoạt động đối ngoại.

3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a. Thành tựu và ý nghĩa

Thành tựu

- Phá thế bị bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Giải quyết hoà bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan.
- Mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá.
- Tham gia các tổ chức kinh tế (AFTA, APEC, WTO).
- Thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học công nghệ và kỹ năng quản lý.
- Từng bước đưa hoạt động của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế vào môi trường cạnh tranh.

Ý nghĩa

- Kết hợp nội lực với ngoại lực, hình thành sức mạnh tổng hợp góp phần đưa đến những thành tựu kinh tế to lớn.
- Giữ vững, củng cố độc lập, tự chủ, định hướng XHCN.
- Nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

b. Hạn chế và nguyên nhân

- Trong quan hệ với các nước, nhất là các nước lớn, chúng ta còn lúng túng, bị động.
- Một số chủ trương, cơ chế, chính sách chậm được đổi mới so với yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế; luật pháp, chính sách quản lý kinh tế, thương mại chưa hoàn chỉnh.

- Chưa hình thành được một kế hoạch tổng thể và dài hạn về hội nhập kinh tế quốc tế và một lộ trình hợp lý cho việc thực hiện các cam kết.
- Doanh nghiệp nước ta còn yếu cả về sản xuất, quản lý và khả năng cạnh tranh.
- Đội ngũ cán bộ công tác đối ngoại còn thiếu và yếu; công tác tổ chức chỉ đạo chưa sát và chưa kịp thời.

D. CÁC VẤN ĐỀ ÔN TẬP

1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương đối ngoại của Đảng trong thời kỳ 1975 – 1986?
2. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối đối ngoại giai đoạn 1986 – 2008?
3. Phân tích nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng cộng sản Việt Nam?

E. CÁC VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

1. Quá trình đổi mới tư duy đối ngoại của Đảng thời kỳ trước đổi mới và sau đổi mới
2. Xu thế toàn cầu hoá, quốc tế hoá và chủ trương đối ngoại của Đảng trong bối cảnh hiện nay

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị. *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Pháp: Thắng lợi và bài học*. Nxb CTQG, HN, 1995.
2. Ban chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị. *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: Thắng lợi và bài học*. Nxb CTQG, HN, 1995.

3. Học viện quan hệ quốc tế: *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp giành độc lập, tự do (1945 -1975)*, NXB. CTQG, Hà Nội, 2001
4. Đinh Xuân Lý: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại và sự vận dụng của Đảng trong thời kỳ đổi mới*, NXB. CTQG, Hà Nội, 2005.
5. Nguyễn Dy Niên: *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, NXB. CTQG, Hà Nội, 2002
6. Học viện Quan hệ Quốc tế, Nguyễn Phúc Luân (chủ biên): *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp giành độc lập tự do (1945-1975)*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2001
7. Học viện Quan hệ Quốc tế, Vũ Dương Huân (chủ biên): *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp đổi mới (1975-2002)*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2002
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo : *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB CTQG, Hà Nội, 2009.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB CTQG, Hà Nội, 2009.
10. Đại học Quốc gia Hà Nội: *Một số chuyên đề về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Lí luận Chính trị, Hà Nội, 2008.
11. Bộ giáo dục và Đào tạo: *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Tài liệu phục vụ dạy và học chương trình các môn lí luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng)*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2008.